

HỒ SƠ PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD do Chủ tịch
UBCK NN cấp ngày 05/04/2000)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

CHỨNG QUYỀN MBB/3M-1/SSI/2026-01



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

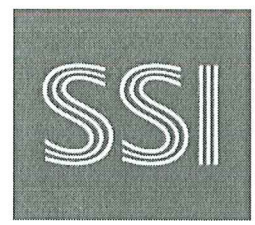
Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 04-07 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số: 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/4/2000 được sửa đổi, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 03/02/2026)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 189/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 / 5 /2026)

CHỨNG QUYỀN MBB/3M-1/SSI/2026-01

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2897

Website: www.ssi.com.vn

Từ ngày: .../.../.....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Kim Long

Chức vụ: Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ

Số điện thoại: (028) 3824 2897



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số: 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/4/2000 được sửa đổi, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 03/02/2026)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền MBB/3M-1/SSI/2026-01

- ❖ Tên (mã) chứng khoán cơ sở: MBB
- ❖ Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
- ❖ Loại chứng quyền: Chứng quyền mua
- ❖ Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- ❖ Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- ❖ Thời hạn của chứng quyền: 3 tháng
- ❖ Ngày phát hành dự kiến: trong tháng 4-6/2026
- ❖ Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trong tháng 7-9/2026
- ❖ Ngày đáo hạn dự kiến: trong tháng 7-9/2026
- ❖ Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1 (02 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- ❖ Khoảng giá thực hiện dự kiến: từ 8.000 đồng/cổ phần đến 39.000 đồng/cổ phần, giá thực hiện được thông báo cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của SSI.
- ❖ Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
- ❖ Tài sản bảo đảm thanh toán: bằng tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi được ký quỹ tại Ngân hàng Lưu ký
- ❖ Khoảng giá chào bán dự kiến: từ 1.000 đồng/chứng quyền đến 3.300 đồng/chứng quyền, giá chào bán được thông báo cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của SSI.
- ❖ Tổng số lượng chào bán: 25.000.000 chứng quyền
- ❖ Tổng giá trị chào bán: từ 25.000.000.000 đồng đến 82.500.000.000 đồng

TỔ CHỨC BÁO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 28, Tòa Nhà Bitexco Financial, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824.5252

Fax: (84-28) 3824.5250

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không áp dụng

**MỤC LỤC**

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	4
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm	5
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	6
4. Các rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
III. CÁC KHÁI NIỆM/ THUẬT NGỮ/ VIẾT TẮT	7
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	8
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	8
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	13
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm	15
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	16
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	16
1.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
- Tóm tắt thông tin doanh nghiệp.....	16
- Quá trình hình thành và phát triển	17
1.2 Cơ cấu tổ chức của Công ty	19
1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	20
1.4 Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn.....	27
1.5 Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	39
1.5.1 Thông tin về Ban điều hành	42
1.5.2 Hội đồng Quản trị	42
1.5.3 Ban Tổng Giám Đốc.....	44
1.5.4 Ủy ban kiểm toán	44
1.6 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền.....	44
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	45
2.1 Tổng hợp tình hình hoạt động.....	45
2.1.1 Dịch vụ chứng khoán	45
2.1.2 Dịch vụ Ngân hàng đầu tư	47
2.1.3 Quản lý Quỹ	48
2.1.4 Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính	49

2.1.5 Đầu tư	50
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	51
- Các chứng quyền mà công ty đã phát hành còn lưu hành tính tới ngày 02/04/2026:	52
3. Tình hình tài chính	54
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	56
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm	56
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở	57
3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm	58
4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm	59
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm	62
6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm	62
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền	64
8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm	66
9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm.	66
10. Hoạt động tạo lập thị trường	67
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	69
1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng cá nguồn tài sản sau:	69
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.	69
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	69
1. Quy trình quản trị rủi ro	69
2. Phương án phòng ngừa rủi ro	73
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành	77
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	77
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	77
XI. CAM KẾT	78
XII. PHỤ LỤC	78
XIII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NGÂN HÀNG LƯU KÝ	79

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết: Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP như sau:
 - Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
 - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;
 - Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn;
- Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cần trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.
- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung,



miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy, nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

- Rủi ro kinh tế: sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó có liên quan chặt chẽ tới sự phát triển kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam phát triển sẽ là động lực khuyến khích các doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất, tìm kiếm cơ hội làm ăn đồng thời thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Điều này sẽ mang lại phản ứng tích cực đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngược lại, khi nền kinh tế chậm phát triển sẽ có ảnh hưởng tiêu cực với tốc độ phát triển của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường chứng khoán, trong đó có sự phát triển của chứng quyền.
- Rủi ro chính trị: là rủi ro do những biến động của sự kiện chính trị, những thay đổi trong luật lệ, chính sách của chính phủ làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

- Rủi ro luật pháp: xảy khi tổ chức phát hành chứng quyền và/ hoặc tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo,.. từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày dẫn đến việc biến động xấu về giá chứng quyền.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm – Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Ông: Nguyễn Duy Hưng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Đức Thông Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Ông: Phạm Việt Muôn Chức vụ: Trưởng Ủy ban kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực, đầy đủ và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn: Không

III. CÁC KHÁI NIỆM/ THUẬT NGỮ/ VIẾT TẮT

Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền là công ty phát hành chứng quyền. Trong bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Giá thực hiện là mức giá được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.

Ngày đáo hạn là ngày mà người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.



Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

BCTC: Báo cáo tài chính

HNX: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

HSX: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

NHNN: Ngân hàng nhà nước

UBCK: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

VSDC: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

SSI hoặc Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

IIP: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

❖ Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông nghiệp

- Lúa đông xuân: Tính đến ngày 20/2/2026, cả nước đã gieo cấy được 2.731,4 nghìn ha lúa đông xuân, giảm 58,0 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước. Trong đó miền Bắc gieo cấy được 854,1 nghìn ha, giảm 24,1 nghìn ha; miền Nam gieo cấy được 1.877,3 nghìn ha, giảm 33,9 nghìn ha (vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 1.234,1 nghìn ha, giảm 32,2 nghìn ha). Đến nay, các địa phương phía Nam cơ bản hoàn thành gieo cấy lúa đông xuân và bắt đầu thu hoạch ở một số trà lúa sớm với diện tích đạt 253,1 nghìn ha, giảm 15,6 nghìn ha so với cùng kỳ năm 2025.

- Lúa mùa: Diện tích gieo trồng lúa mùa năm 2025-2026 tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước đạt 171,7 nghìn ha, giảm 20,1 nghìn ha so với năm trước; diện tích thu hoạch ước đạt 168,1 nghìn



ha, giảm 23,7 nghìn ha; năng suất đạt 54,1 tạ/ha, tăng 1,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt 909,6 nghìn tấn, giảm 97,7 nghìn tấn.

- Cây hàng năm: Cùng với việc gieo cấy lúa đông xuân, các địa phương trên cả nước đang tiến hành gieo trồng cây hoa màu. Tiến độ gieo trồng các loại cây như ngô, khoai lang, đậu tương, lạc đạt thấp so với cùng kỳ năm trước.

- Chăn nuôi: Chăn nuôi trâu, bò tiếp tục giảm; chăn nuôi lợn tiếp tục phục hồi và tái đàn sau dịp Tết Nguyên đán; chăn nuôi gia cầm duy trì tăng trưởng ổn định. Tổng số lợn của cả nước ước tính đến thời điểm cuối tháng 02/2026 tăng 1,6% so với cùng thời điểm năm 2025; tổng số bò giảm 2,1%; tổng số trâu giảm 4,4%; tổng số gia cầm tăng 1,9%.

Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng Hai ước đạt 11,8 nghìn ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2025; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 7,0 triệu cây, giảm 5,8%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.381,9 nghìn m³, tăng 4,1%; diện tích rừng bị thiệt hại là 31,9 ha, giảm 56,4%. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, diện tích rừng trồng mới cả nước ước đạt 21,7 nghìn ha, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 10,9 triệu cây, giảm 3,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 2.634,3 nghìn m³, tăng 0,9%; diện tích rừng bị thiệt hại là 48,4 ha, giảm 66,7%.

Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng Hai ước đạt 665,4 nghìn tấn, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, sản lượng thủy sản ước đạt 1.279,2 nghìn tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 722,6 nghìn tấn, tăng 4,4%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 556,6 nghìn tấn, tăng 1,1%.

❖ Sản xuất công nghiệp

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Hai ước tính giảm 18,5% so với tháng trước; tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, IIP tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,5%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,5%, đóng góp 8,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,3%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,1%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 5,4 %, đóng góp 0,9 điểm phần trăm.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp hai tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước tăng ở cả 34 địa phương trên cả nước.

- Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/02/2026 tăng 0,2% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 4,0% so với cùng thời điểm năm trước.

**❖ Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

- Trong tháng 02/2026, cả nước có 11,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 53,2% so với tháng trước và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước; gần 6,2 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 74,9% và giảm 12,6%; 4.257 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 92,2% và tăng 19,8%; 3.492 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 52,2% và tăng 17,5%; 3.290 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 28,6% và tăng 89,4%.
- Tính chung hai tháng đầu năm 2026, cả nước có gần 64,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 32,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 77,0 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 38,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong hai tháng năm 2026 là gần 851,9 nghìn tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2025.

❖ Đầu tư

- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Hai ước đạt 38,9 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 83,5 nghìn tỷ đồng, bằng 9,4% kế hoạch năm và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 7,4% và tăng 24,6%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 28/02/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 6,03 tỷ USD, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 3,21 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong hai tháng đầu năm 2026 có 36 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 532,4 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước; có 03 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 7,8 triệu USD, gấp 1,5 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 540,2 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

❖ Thu, chi ngân sách Nhà nước

- Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng Hai ước đạt 170,5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 601,3 nghìn tỷ đồng, bằng 23,8% dự toán năm và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng Hai ước đạt gần 163,0 nghìn tỷ đồng; lũy kế hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 311,0 nghìn tỷ đồng, bằng 9,8% dự toán năm và tăng 11,0% so với cùng kỳ năm trước.



❖ **Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch**

- Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Hai ước đạt 613,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.236,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 9,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 6,8%).

- Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng Hai, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa[2] đạt 67,16 tỷ USD, giảm 24,1% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 155,7 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 18,3%; nhập khẩu tăng 26,3%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,98 tỷ USD.

Xuất khẩu hàng hóa

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Hai đạt 33,06 tỷ USD, giảm 23,7% so với tháng trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 76,36 tỷ USD, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 15,96 tỷ USD, giảm 12,0%, chiếm 20,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 60,4 tỷ USD, tăng 30,1%, chiếm 79,1%.

+ Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu hai tháng đầu năm 2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 68,55 tỷ USD, chiếm 89,8%.

Nhập khẩu hàng hóa

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Hai đạt 34,1 tỷ USD, giảm 24,6% so với tháng trước và tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 79,34 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 22,47 tỷ USD, giảm 1,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 56,87 tỷ USD, tăng 42,2%.

+ Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu hai tháng đầu năm 2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 74,67 tỷ USD, chiếm 94,1%.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa hai tháng đầu năm 2026, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 23,8 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 31,9 tỷ USD.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng Hai nhập siêu 1,04 tỷ USD. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,98 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất

siêu 1,77 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 6,5 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,52 tỷ USD.

- Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

+ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2026 tăng 1,14% so với tháng trước; tăng 1,19% so với tháng 12/2025 và tăng 3,35% so với cùng kỳ năm 2025. Bình quân hai tháng đầu năm 2026, CPI tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,47%.

+ Chỉ số giá vàng tháng 02/2026 tăng 11,42% so với tháng trước; tăng 88,42% so với cùng kỳ năm trước; tăng 17,01% so với tháng 12/2025; bình quân hai tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 82,67% so với cùng kỳ năm 2025.

+ Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2026 giảm 0,89% so với tháng trước; tăng 2,31% so với cùng kỳ năm trước; giảm 1,18% so với tháng 12/2025; bình quân hai tháng đầu năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,74% so với cùng kỳ năm 2025.

- Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng Hai ước đạt 596,3 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 6,7% so với tháng trước và luân chuyển 31,5 tỷ lượt khách.km, tăng 7,5%. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, vận tải hành khách ước đạt 1.155,2 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 60,8 tỷ lượt khách.km, tăng 17,0%.

Vận tải hàng hóa tháng Hai ước đạt 270,0 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 1,2% so với tháng trước và luân chuyển 49,1 tỷ tấn.km, giảm 1,6%. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, vận tải hàng hóa ước đạt 543,3 triệu tấn vận chuyển, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 99,1 tỷ tấn.km, tăng 6,4%.

- Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Hai đạt hơn 2,2 triệu lượt người, giảm 9,2% so với tháng trước và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, khách quốc tế đến Việt Nam đạt gần 4,7 triệu lượt người, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước.

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường Chứng khoán Việt Nam tháng 2/2026 – Tăng tháng thứ 4 liên tiếp

VNIndex tăng 51,3 điểm (+2,8%) trong tháng 2 chỉ với 14 phiên giao dịch, đánh dấu tháng tăng thứ tư liên tiếp và nâng mức tăng lũy kế lên 5,4% từ đầu năm 2026. Dù có thời điểm chỉ số tiến sát vùng tâm lý 1.900 điểm, áp lực chốt lời xuất hiện đã khiến VNIndex chưa thể vượt qua ngưỡng này. Thanh



khỏan bình quân tháng 2 đạt 31,8 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 17,7% so với tháng 1, một phần do tâm lý thận trọng trước và sau kỳ nghỉ Tết.

VIC tăng mạnh 22,4% trong tháng, đóng góp tới 51,6 điểm cho VNIndex. Tuy nhiên, diễn biến tích cực của thị trường được hỗ trợ chủ yếu bởi sự bứt phá của nhiều nhóm ngành Midcap. Nổi bật là nhóm Dầu khí với BSR (+39,2%), PVD (+24%), OIL (+14%); nhóm Phân bón/Hóa chất với BFC (+54,3%), DCM (+17,4%), DPM (+15,2%); và nhóm Cảng & Vận tải biển gồm GMD (+23,2%), VSC (+25,7%), HAH (+11%). Ở chiều ngược lại, nhóm Công nghệ – Viễn thông chịu áp lực điều chỉnh với FPT (-11%), FOX (-18,8%), ELC (-16,4%), VGI (-12,2%).

Khối ngoại bán ròng 7,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 2, ghi nhận tháng bán ròng thứ hai liên tiếp trong năm 2026, sau khi năm 2025 chứng kiến mức bán ròng kỷ lục 135 nghìn tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đạt bình quân 14,4% trong tháng, mức cao nhất kể từ tháng 4/2020.

Hoạt động bán ròng tập trung vào các mã FPT (-8,2 nghìn tỷ đồng), VCB (-2,9 nghìn tỷ đồng), VNM (-2 nghìn tỷ đồng), VIC (-1,2 nghìn tỷ đồng). Ngược lại, dấu hiệu tái cơ cấu danh mục thể hiện qua việc mua ròng mạnh ở HPG (+4,6 nghìn tỷ đồng), MBB (+2,8 nghìn tỷ đồng), BSR (+1 nghìn tỷ đồng), cùng với nhiều mã khác như GMD, DGC, STB, DCM, TCX, KDH, PVD.

Biến động Trung Đông: Góc nhìn đối với các ngành có ảnh hưởng

Căng thẳng leo thang giữa Mỹ – Israel – Iran đã khiến giá dầu tăng khoảng 50% chỉ trong hơn hai tuần gần đây, khi thị trường phản ánh rủi ro gián đoạn nguồn cung từ Iran và nguy cơ ảnh hưởng tới eo biển Hormuz – tuyến vận chuyển chiến lược đối với dòng chảy dầu thô và LNG toàn cầu.

Xu hướng này còn bị khuếch đại bởi việc một số quốc gia OPEC cắt giảm sản lượng trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và mức tồn kho cao. Dù áp lực tăng giá được kỳ vọng sẽ hạ nhiệt trong dài hạn khi các yếu tố như quan hệ Trung Quốc–Iran làm giảm xác suất phong tỏa kéo dài và nhu cầu toàn cầu suy yếu, rủi ro thiếu hụt nguồn cung trong ngắn hạn vẫn ở mức đáng kể.

Trong nước, giá xăng dầu đã tăng 42% trong tuần qua, bám sát diễn biến giá thế giới. Theo Bộ Công Thương, nguồn dự trữ hiện đủ đáp ứng nhu cầu đến hết tháng 3. Tính đến cuối năm 2025, Việt Nam duy trì khoảng 1,7 triệu m³ tồn kho và đã nhập khẩu 2,2 triệu tấn xăng dầu trong hai tháng đầu năm 2026, tăng 43% so với cùng kỳ.



Tuy nhiên, kịch bản phong tỏa kéo dài eo biển Hormuz sẽ tạo ra rủi ro đáng kể. Trong khi BSR chủ động được khoảng 65–70% nguồn dầu thô đầu vào từ trong nước, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSR) phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nguồn cung từ Kuwait. Năm 2025, NSR nhập khẩu khoảng 11,5 triệu tấn dầu thô từ Kuwait, chiếm gần 81% tổng lượng dầu thô nhập khẩu của Việt Nam. Hiện hai nhà máy này lần lượt đáp ứng khoảng 30% và 40% nhu cầu xăng dầu nội địa, cho thấy mức độ nhạy cảm của hệ thống cung ứng trước các cú sốc địa chính trị kéo dài.

Triển vọng TTCK Việt Nam: Tháng Ba Tiến Bước

Nhịp điều chỉnh 12% trong sáu phiên giao dịch đầu tiên của tháng 3 đang tạo nền tảng cho khả năng hồi phục trong ngắn hạn. Dữ liệu lịch sử từ năm 2010 cho thấy thị trường có xu hướng phục hồi mạnh sau những nhịp giảm sâu tương tự: VNIndex ghi nhận mức tăng trong 80% những trường hợp tương tự chỉ sau 2-4 tuần, với mức sinh lời trung bình 6,6% sau 1 tháng và 30% sau 1 năm. Đáng chú ý, tháng 3 chỉ chứng kiến diễn biến tiêu cực vốn vẹn hai lần năm 2015 và 2020 và ngay cả trong tháng 3/2022, chỉ số vẫn tăng điểm bất chấp xung đột Nga-Ukraine và giá dầu leo lên 127 USD/thùng.

Yếu tố cơ bản tiếp tục đóng vai trò nâng đỡ. Triển vọng lợi nhuận Q1/2026 duy trì tích cực, với các nhóm Tiêu dùng, Vật liệu xây dựng, Phân bón, Chứng khoán và Dầu khí được kỳ vọng ghi nhận tăng trưởng khả quan. Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 cũng khá lạc quan khi nhiều ngân hàng, doanh nghiệp bán lẻ và bất động sản đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 20-30%. Bên cạnh đó, mốc đánh giá nâng hạng thị trường vào ngày 7/4 là chất xúc tác quan trọng. Việt Nam được đánh giá có vị thế thuận lợi để vượt qua kỳ rà soát giữa kỳ và tiến tới chính thức gia nhập rổ FTSE Emerging vào tháng 9.

Cùng với đó, định giá thị trường đã điều chỉnh về mức P/E dự phóng 2026 là 12,2 lần, thấp hơn mức trung bình 10 năm là 14 lần. Dù vậy, việc chênh lệch giữa lợi suất thu nhập (earnings yield) và lãi suất thu hẹp có thể khiến dư địa tăng của thị trường bị kiềm chế phần nào. Tóm lại, trong giai đoạn hiện tại, thị trường nhiều khả năng tiếp tục ưu ái những nhà đầu tư kiên nhẫn, khi phần thưởng không đến từ sự hưng phấn ngắn hạn, mà từ việc nắm giữ các cổ phiếu có nền tảng cơ bản vững chắc qua các nhịp biến động.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Sau hợp đồng tương lai chỉ số, chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm đòn bẩy tiếp theo được ra mắt nhằm giúp tăng tính đa dạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như giúp nhà đầu tư có thêm công cụ để tối ưu hóa nguồn vốn. Cụ thể, chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm do công ty chứng khoán phát hành và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

(HOSE). Chứng quyền có một số ưu điểm nổi bật như chi phí đầu tư thấp, cố định mức lỗ và giao dịch giống như cổ phiếu (thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng).

Biến động của chứng quyền phụ thuộc vào các tham số đầu vào gồm giá và độ biến động của chứng khoán cơ sở, giá thực hiện và tỷ lệ thực hiện, thời gian đáo hạn, lãi suất phi rủi ro. Trong khi mức đòn bẩy của hợp đồng tương lai đã cố định từ ban đầu thì với suốt vòng đời của chứng quyền (3 tháng tới 24 tháng) cho tới khi đáo hạn, sự thay đổi của giá và độ biến động chứng khoán cơ sở khiến mức đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm cũng thay đổi theo, làm nên tính hấp dẫn đặc biệt của sản phẩm này.

Nhà đầu tư có thể chọn mua chứng quyền tại thời điểm phát hành sơ cấp (IPO) hoặc mua trực tiếp sau khi chứng quyền đã niêm yết thứ cấp trên HOSE. Sau khi đã sở hữu chứng quyền, nhà đầu tư có thể chọn bán lại trên sàn giao dịch thứ cấp hoặc nắm giữ tới đáo hạn để thực hiện quyền.

Chứng quyền có bảo đảm được tạo lập thị trường bởi các tổ chức phát hành có uy tín giúp cho việc giao dịch mua bán hàng ngày của nhà đầu tư dễ dàng và tốn ít chi phí. Ngoài ra, các tổ chức phát hành khi bán chứng quyền cũng đồng thời phải phòng ngừa rủi ro bằng việc mua bán cổ phiếu và ký quỹ tại ngân hàng lưu ký theo quy định nên có thể đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, chứng quyền có bảo đảm cũng có những yếu tố rủi ro đặc thù và người tham gia có thể mất toàn bộ vốn đầu tư bỏ vào sản phẩm này nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm để cân nhắc các lợi ích và rủi ro trước khi ra quyết định đầu tư.

Chứng quyền trong đợt phát hành này có tài sản cơ sở là cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội (MBB). Cơ hội đầu tư vào sản phẩm này thể hiện ở những điểm sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB) được thành lập năm 1994, MBB là ngân hàng thuộc top 10 ngân hàng có giá trị tài sản lớn nhất tính đến ngày 31/12/2019. Ngân hàng thực hiện IPO năm 2004 và niêm yết tháng 11/2011.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tóm tắt thông tin doanh nghiệp

- ❖ Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- ❖ Tên tiếng anh : SSI Securities Corporation
- ❖ Tên viết tắt : SSI
- ❖ Vốn điều lệ : 24.930.892.200.000 VNĐ
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ❖ Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 03/GPHĐKD ngày 05/4/2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp được sửa đổi, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 03/02/2026
- ❖ Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997
- ❖ Website : www.ssi.com.vn
- ❖ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
1	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán; Môi giới chứng khoán phái sinh	6612 (chính)
2	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh; tự doanh chứng khoán; tự doanh chứng khoán phái sinh; bảo lãnh phát hành chứng khoán; hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán; dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và khách hàng	6619

- Quá trình hình thành và phát triển

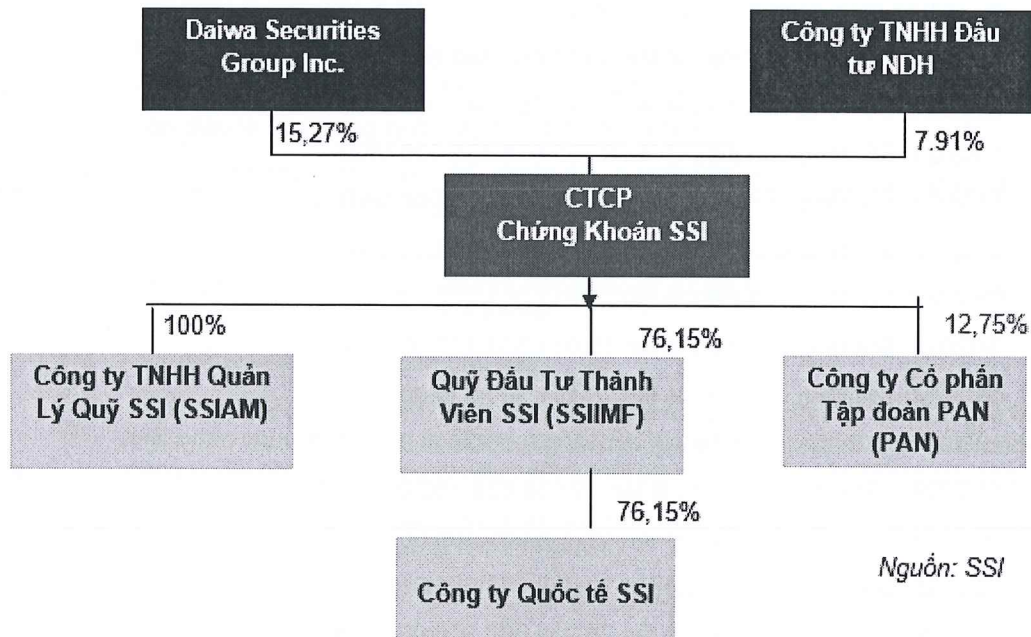
Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
1999	<ul style="list-style-type: none"> SSI được thành lập ngày 30/12/1999, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VND
2001	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 7/2001, SSI hoạt động 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán Vốn điều lệ của Công ty đạt 20.000.000.000 VND
2002	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 07/2002, SSI thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc
2005	<ul style="list-style-type: none"> 06/2005: SSI hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán Vốn điều lệ đạt 52.000.000.000 VND
2006	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường 12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)
2007	<ul style="list-style-type: none"> 08/2007: Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập 10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)
2008	<ul style="list-style-type: none"> 04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VND 06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI
2009	<ul style="list-style-type: none"> 07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài
2010	<ul style="list-style-type: none"> 05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VND
2013	<ul style="list-style-type: none"> 03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VND
2015	<ul style="list-style-type: none"> 09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ
2017	<ul style="list-style-type: none"> 01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VND 05/2017: SSI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
2019	<ul style="list-style-type: none"> 06/2019: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm
2020	<ul style="list-style-type: none"> 05/2020: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VND 12/2020: SSI vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” do Đảng và Nhà nước trao tặng. SSI cũng là công ty chứng khoán tư nhân đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này
2021	<ul style="list-style-type: none"> 04/2021: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.498.051.040.000 VND 06/2021: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.573.051.040.000 VND 10/2021: SSI tăng vốn điều lệ lên 8.755.976.420.000 VND 11/2021: SSI tăng vốn điều lệ lên 9.847.500.220.000 VND
2022	<ul style="list-style-type: none"> 03/2022: SSI tăng vốn điều lệ lên 9.947.500.220.000 VND 09/2022: SSI tăng vốn điều lệ lên 14.911.301.370.000 VND
2023	<ul style="list-style-type: none"> 04/2023: SSI tăng vốn điều lệ lên 15.011.301.370.000 VND
2024	<ul style="list-style-type: none"> 05/2024: SSI tăng vốn điều lệ lên 15.111.301.370.000 VND 10/2024: : SSI tăng vốn điều lệ lên 18.129.500.510.000 VND 11/2024: : SSI tăng vốn điều lệ lên 19.638.639.180.000 VND
2025 – Đến nay	<ul style="list-style-type: none"> 06/2025: SSI tăng vốn điều lệ lên 19.738.639.180.000 VND 08/2025: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.779.062.620.000 VND 02/2026: SSI tăng vốn điều lệ lên 24.930.892.200.000 VND

1.2 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay như sau:

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty

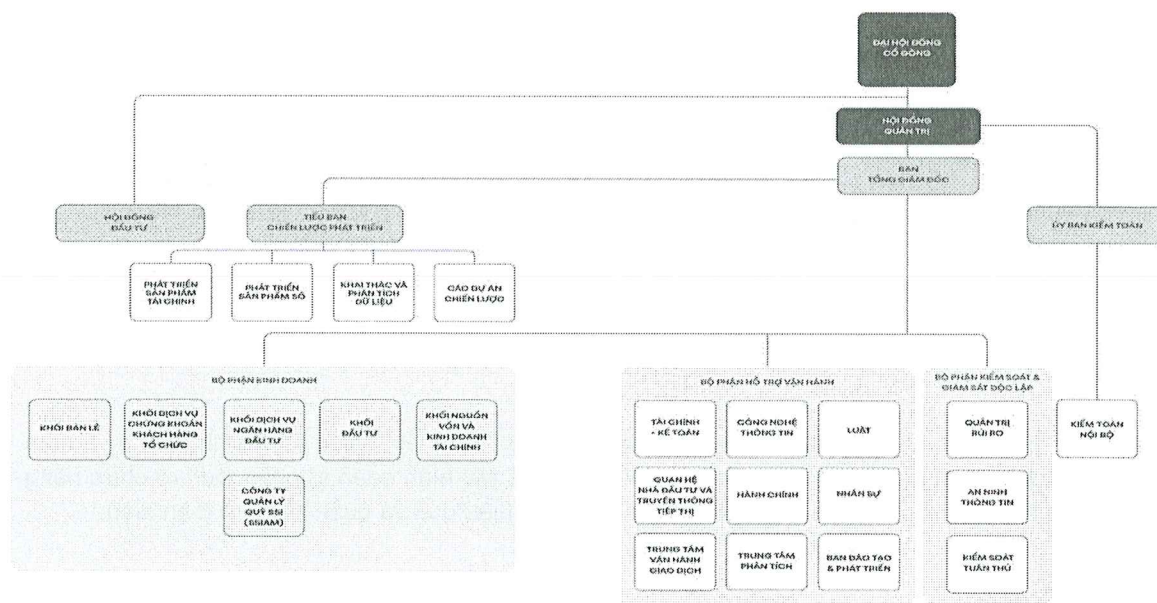


Tại thời điểm 31/03/2026, SSI có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau: sở hữu 100% Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM) và sở hữu 76,15% Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSIIMF), ngoài ra SSI còn sở hữu gián tiếp Công ty Quốc tế SSI thông qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSIIMF). Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN).

Tại thời điểm 31/03/2026, SSI có 02 cổ đông sở hữu trên 5% Vốn điều lệ là Daiwa Securities Group Inc và Công ty TNHH Đầu tư NDH.

1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 2: Sơ đồ bộ máy quản lý



Nguồn: SSI

Công ty hiện có các chi nhánh và phòng giao dịch sau:

STT	Chi nhánh/Phòng giao dịch	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Hà Nội	Số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2.	Chi nhánh Mỹ Đình	C014 và C015 Tầng G, Tháp The Manor, Đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội
3.	Chi nhánh Hải Phòng	22 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4.	Chi nhánh Nguyễn Công Trứ	Tầng 7 Tòa nhà ROX, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
5.	Phòng giao dịch Times City	Tầng 1, 2, 3 và Unit 07 Tầng 10, Tòa nhà Century Tower, số 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội
6.	Phòng giao dịch Vạn Phúc	Tầng 1 và Unit 3A Tầng 3, Tòa nhà The Imperial Suites, 01-N1, Ngõ 40, Phố Vạn Bảo, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
7.	Phòng giao dịch Lê Văn Lương	Tầng 1, Tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội

STT	Chi nhánh/Phòng giao dịch	Địa chỉ
8.	Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh	Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-0.08, Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-0.09, Tháp Park 2, Khu dân cư Vinhomes Central Park, 208 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
9.	Phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám	Tầng 6, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
10.	Phòng giao dịch Lê Lợi	Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
11.	Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu	Tầng 1 và Tầng 5, số 24C Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các quy định Pháp luật cũng như Điều lệ Công ty. Mô hình quản trị phân tách rõ chức năng quản lý, điều hành và giám sát nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và quản trị rủi ro toàn diện.

Đại hội đồng Cổ đông

Gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Tổng Giám đốc

Công ty có TGD do HĐQT quyết định và bổ nhiệm.

TGD Công ty là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.

Hội đồng Đầu tư



Hội đồng Đầu tư bao gồm các thành viên là Chủ tịch HĐQT, TGD, Phó TGD, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính và Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro.

Hội đồng Đầu tư có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

- (i) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- (ii) Góp vốn hoặc mua bán phần vốn góp tại các doanh nghiệp, mua hoặc bán chứng khoán niêm yết hoặc chưa niêm yết (không bao gồm việc kinh doanh ngắn hạn);
- (iii) Kế hoạch xây dựng, mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định hàng năm hoặc nhu cầu mua sắm bổ sung phát sinh trong năm nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh;
- (iv) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- (v) Các hợp đồng khác không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT và chưa phân cấp cho TGD quyết định;
- (vi) Việc thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình UBKT trực thuộc HĐQT theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo có được một hệ thống hiệu quả về kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính, bao gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên Ủy ban Kiểm toán là thành viên độc lập HĐQT, có chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ.

Năm 2019, HĐQT thành lập Tiểu ban Chiến lược Phát triển với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty

Các Phòng ban

Bảng 1 : Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

STT	Đơn vị	Khối/Bộ phận	Chức năng, nhiệm vụ
1	Tiểu ban Chiến lược phát triển		<ul style="list-style-type: none">- Hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ;- Giám sát triển khai, quản trị các dự án chuyển đổi nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty.

2	Ủy ban Kiểm toán	Kiểm toán nội bộ	<p>Kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của doanh nghiệp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; - Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; - Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; - Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; - Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh.
3	Kiểm soát và Giám sát độc lập	Kiểm soát tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định pháp luật, quy định nội bộ SSI của các Khối, Phòng, Ban, đơn vị trên toàn hệ thống; - Hàng năm đánh giá lại hệ thống kiểm soát nội bộ về: cơ cấu tổ chức, phân cấp thẩm quyền, hệ thống quy chế, quy trình, quy định, và sản phẩm dịch vụ.
		Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro toàn công ty (rủi ro tín dụng, thị trường và vận hành) tuân theo pháp luật, quy định của SSI và thông lệ quốc tế; - Thực hiện đánh giá, giám sát rủi ro hàng ngày, đề xuất chính sách, hạn mức, cơ chế kiểm soát rủi ro, đồng thời thúc đẩy văn hóa quản trị rủi ro trong toàn tổ chức.
		An ninh thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược an ninh thông tin (ANTT), đưa ra các mục tiêu, bộ khung về ANTT và kế hoạch thực hiện; - Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng các giải pháp công nghệ cần thiết để đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống của Công ty; - Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh thông tin, giám sát an ninh thông tin và những rủi ro liên quan tới bảo mật thông tin.
4		Quản lý quỹ	<p>Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) là công ty con của SSI được thành lập từ năm 2007. SSIAM thực hiện các nghiệp vụ như:</p>



Các khối kinh doanh		<ul style="list-style-type: none"> - Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước; - Quản lý danh mục đầu tư bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn; - Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; - Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.
	Dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng tổ chức; - Cung cấp dịch vụ mua bán, giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ và các sản phẩm liên quan khác theo quy định pháp luật; - Hỗ trợ các nhà đầu tư tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam; - Hỗ trợ tổ chức các chương trình cho nhà đầu tư định chế tìm hiểu cơ hội đầu tư vào Việt Nam; - Hỗ trợ thiết lập quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư.
	Bán lẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng cá nhân, lưu ký, tài chính; - Quản lý sổ cổ đông và chuyển nhượng cổ phần; - Xây dựng, quản lý và phát triển quan hệ khách hàng cá nhân; - Thực hiện công tác nghiệp vụ vận hành; - Hỗ trợ các Khối, Phòng, Ban trong giao dịch chứng khoán, thanh toán, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ tài chính; - Cung cấp dịch vụ điện tử và trực tiếp cho Khách hàng: thủ tục mở, đóng tài khoản, thủ tục ủy quyền, giao dịch, thanh toán, lưu ký, quản lý cổ đông; Chịu trách nhiệm tiếp nhận, giải đáp thắc mắc khách hàng; - Thực hiện kiểm soát các hoạt động giao dịch, thanh toán, dịch vụ tài chính trong ngày, kiểm tra sự cố.
	Dịch vụ ngân hàng đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm nhưng không giới hạn hoạt động tư vấn huy động vốn trên thị trường chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn M&A, tư vấn đầu tư của doanh nghiệp và hoạt động tư vấn bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp; - Xây dựng và triển khai các sản phẩm tư vấn doanh nghiệp khác.



		<p>Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thanh khoản và hoạt động kinh doanh nguồn vốn; - Nghiên cứu và phối hợp với các bộ phận kinh doanh khác của SSI để xây dựng, phát triển những sản phẩm, nghiệp vụ mang tính tiên phong trong mảng kinh doanh Nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như thị trường; - Kinh doanh tiền tệ, trái phiếu và sản phẩm cấu trúc.
		<p>Đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty (không bao gồm các sản phẩm có lãi suất cố định). - Nghiên cứu, phân tích về nền kinh tế vĩ mô, các xu hướng dịch chuyển của lãi suất, tỷ giá, dòng tiền; về các ngành kinh tế, doanh nghiệp; - Xây dựng chiến lược đầu tư; - Đề xuất khai thác tìm kiếm cơ hội đầu tư; - Phân tích đánh giá chất lượng cơ hội đầu tư tới thực hiện đầu tư, báo cáo và kiểm soát đầu tư; - Phát hành chứng quyền.
5	Hỗ trợ Vận hành	<p>Tài chính – Kế toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hệ thống kế toán thống nhất toàn Công ty, chịu trách nhiệm hạch toán cho từng hạng mục và từng chi nhánh; - Giám sát/phát triển hệ thống kế toán; xây dựng hệ thống sổ sách và thực hiện lập báo cáo theo yêu cầu, quản lý công tác kiểm toán và báo cáo cho cơ quan nhà nước; - Xây dựng, triển khai kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn; - Kiểm soát hiệu quả các hạng mục đầu tư, Doanh thu – Chi phí; - Xây dựng kế hoạch kinh doanh Công ty, giám sát, dự báo và báo cáo tình hình thực hiện so với kế hoạch; - Cung cấp các báo cáo về quản trị hiệu quả Doanh thu – Chi phí theo yêu cầu quản trị.
		<p>Luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị tham mưu, tư vấn pháp luật về các hoạt động của Công ty; - Hỗ trợ HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến ĐHCĐ, HĐQT và các tiểu ban trực thuộc HĐQT; - Rà soát các quy định trong an toàn kinh doanh, phát hiện rủi ro, vi phạm để kiến nghị sửa đổi bổ sung; - Tham mưu, kiến nghị và phối hợp với cơ quan Nhà nước trong công tác xây dựng pháp luật và chính sách liên quan;



		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện báo cáo và công bố thông tin; - Thực hiện các thủ tục pháp lý của Công ty; - Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến SSI và nhân viên SSI.
	Ban Đào tạo & Phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, quản lý và đảm bảo chất lượng toàn diện hoạt động đào tạo; - Xây dựng, quản lý đội ngũ giảng viên nội bộ, phát triển hệ thống tài liệu, công cụ và ứng dụng phục vụ đào tạo trực tiếp và trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo; - Thực hiện nghiên cứu, tư vấn chuyên sâu về chứng khoán, tài chính – ngân hàng, kinh tế ngành và kinh tế vĩ mô trong nước, quốc tế nhằm phục vụ hoạch định chiến lược, hoạt động kinh doanh; đồng thời tìm kiếm, triển khai hợp tác quốc tế về đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự và hiểu biết của nhà đầu tư.
	Trung tâm Vận hành Giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, vận hành tập trung toàn bộ các nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ giao dịch, dịch vụ tài chính và dịch vụ khách hàng, đảm bảo sự thông suốt, an toàn, tuân thủ và nâng cao trải nghiệm khách hàng trên toàn hệ thống; - Xây dựng, cải tiến quy trình, số hóa – tự động hóa nghiệp vụ và phối hợp các đối tác/bên thứ ba trong cung cấp dịch vụ; - Thực hiện chức năng giám sát nghiệp vụ, quản lý phân quyền các hệ thống giao dịch, quản trị hiệu quả vận hành.
	Trung tâm Phân tích và Tư vấn đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các sản phẩm phân tích và tư vấn đầu tư đến các đối tượng khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, các cơ quan chuyên môn, bao gồm nhưng không giới hạn: các báo cáo nhận định thị trường, phân tích ngành, phân tích cổ phiếu, tổ chức đi thăm các công ty niêm yết, tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư.
	Nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và triển khai các công tác tuyển dụng, tổ chức nhân sự, thực hiện các chế lương thưởng, phúc lợi, nhằm thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng; - Quản lý hiệu quả công việc, quan hệ lao động và quản trị hệ thống thông tin nhân sự; - Cung cấp dịch vụ nhân sự cho các đơn vị vùng và chi nhánh trên toàn hệ thống.

		Công nghệ Thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, vận hành và đảm bảo an toàn cho toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của Công ty; - Phát triển, tích hợp các giải pháp phần mềm và hạ tầng công nghệ nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả vận hành, thúc đẩy chuyển đổi số và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin và quy định của pháp luật.
		Quan hệ Nhà đầu tư và Truyền thông tiếp thị	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công tác truyền thông, xây dựng hình ảnh, nhận diện thương hiệu, tổ chức các sự kiện của SSI đảm bảo tính nhất quán về hình ảnh và thông điệp; - Phối hợp với các phòng ban tại SSI để ra mắt những chương trình tiếp thị, quảng bá sản phẩm của SSI tới khách hàng, hỗ trợ kinh doanh, tăng nhận diện thương hiệu; - Cập nhật thông tin định kỳ, chính xác tới cổ đông và các bên liên quan theo quy định về công bố thông tin; - Tiếp xúc, gặp gỡ nhà đầu tư tiềm năng để giới thiệu về cơ hội đầu tư vào SSI, là cầu nối thông tin giữa SSI với cộng đồng tài chính, góp phần thu hút nhà đầu tư dài hạn.
		Hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, thực hiện công tác mua sắm, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị; - Quản lý các hoạt động hành chính văn thư, lưu trữ, lễ tân, công tác đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh, cảnh quan, điều phối các phương tiện công tác, các hoạt động hỗ trợ hành chính.

1.4 Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn

1.4.1 Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổ chức phát hành không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

1.4.2 Thông tin về cổ đông lớn và người có liên quan

Tại thời điểm hiện tại, Công ty có 02 cổ đông sở hữu trên 5% VĐL, thông tin như sau:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
1	Daiwa Securities Group Inc.	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	380.585.607	15,27%	15.895.410

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
1.1	Người có liên quan của cổ đông: Ông Tsutomu Hiramatsu	101 Cairnhill Circle, #08-15, Hilltops, Singapore 229809	0	0	0
2	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, tòa tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, TP Hà Nội, Việt Nam	197.116.185	7,91%	0
2.1	Người có liên quan của cổ đông: Ông Nguyễn Duy Hưng	20 Lam Sơn, Phường Nha Trang, Khánh Hòa	19.416.198	0,78%	0
2.2	Người có liên quan của cổ đông: Ông Nguyễn Duy Khánh	54 Ngách 61/17 Phùng Chí Kiên, Phường Ngọc Hà, Hà Nội	5.698.435	0,23%	0
	Tổng cộng		602.816.425	24,18%	15.895.410

(*) Tỷ lệ sở hữu được tính theo 2.493.089.220 cổ phiếu

- Danh sách Người có liên quan của Công ty theo Công bố thông tin gần nhất.

ST No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization / individual</i>	Chức vụ tại công ty/Mối quan hệ với công ty <i>Position at the company / Relations with the company</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Commencement date as related person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End date as non-related person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
A. CÁ NHÂN / INDIVIDUALS					



1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Board, Legal Representative</i>	01/11/1999	Giấy phép thành lập doanh nghiệp ngày 30/12/1999 <i>Business establishment license dated December 30th, 1999</i>
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT <i>Board member</i>	01/11/1999	Giấy phép thành lập doanh nghiệp ngày 30/12/1999 <i>Business establishment license dated December 30th, 1999</i>
3	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT <i>Board member</i>	23/04/2015	Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 (nhiệm kỳ 2025 – 2030) <i>Appointed as BOD Member according to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 18th, 2025 (term 2025 – 2030)</i>
4	Tsutomu Hiramatsu	Thành viên HĐQT <i>Board member</i>	23/04/2026	Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026 (nhiệm kỳ 2026 – 2031) <i>Appointed as BOD Member according to Resolution No. 01/2026/NQ-SSI.ĐHĐCĐ dated April 23th, 2026 (term 2026 – 2031)</i>



5	Phạm Viết Muôn	Thành viên độc lập HĐQT - Trưởng Ủy ban kiểm toán <i>Independent Board member - Head of Audit Committee</i>	25/04/2019	<p>Được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 (nhiệm kỳ 2024 – 2029)</p> <p><i>Appointed as Independent BOD Member according to Resolution No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25th, 2024 (term 2024 – 2029)</i></p> <p>Được tái bổ nhiệm chức danh Trưởng UBKT từ ngày 16/5/2024 (nhiệm kỳ 2024 – 2029)</p> <p><i>Be reappointed as Head of AC from May 16th, 2024 (term 2024 – 2029)</i></p>
6	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập HĐQT - Thành viên Ủy ban kiểm toán <i>Independent Board member - Member of Audit Committee</i>	07/05/2022	<p>Được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2022</p> <p><i>Appointed as Independent BOD Member according to Resolution No. 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated May 7th, 2022</i></p> <p>Bổ nhiệm Thành viên UBKT theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT ngày 18/7/2022</p> <p><i>Appointed as Member of the AC according to Resolution No. 14/2022/NQ-HĐQT dated July 18th, 2022</i></p>



7	Nguyễn Đức Thông	Tổng Giám đốc CEO	01/3/2024	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐQT ngày 21/7/2025 <i>Appointed as CEO according to Resolution No. 21/2025/NQ-HĐQT dated July 21st, 2025</i>
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính <i>Chief Finance Officer</i>	09/05/2005	Được bổ nhiệm Giám đốc tài chính theo Quyết định số 08/2005/QDBN-HDQT-SSI ngày 09/5/2005 <i>Appointed as CFO according to Decision No. 08/2005/QDBN-HDQT-SSI dated May 9th, 2005</i>
9	Từ Cẩm Huê	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	20/04/2026	Được bổ nhiệm Kế toán trưởng theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-SSI.HĐQT ngày 02/04/2026 <i>Appointed as Chief Accountant according to Resolution No. 08/2026/NQ-SSI.HĐQT dated April 2nd, 2026</i>
10	Nguyễn Kim Long	Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền CBTT, Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ <i>Company Secretary, Person in charge of corporate governance,</i>	01/01/2021	Được bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty theo Quyết định số 26/2018/QĐ-CTHĐQT ngày 20/4/2018 Trở thành Người được ủy quyền CBTT theo Văn bản ủy



		<i>Authorized person to disclose information, Legal and Compliance Director</i>			quyền số 01/2024/UQ-SSI ngày 09/01/2024 Trở thành người có liên quan của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 <i>Becoming related person of Company according to regulations of Law on Securities 2019 effective from January 1st, 2021</i>
11	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch của Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI <i>Chairman of SSI Asset Management (SSIAM)</i>	01/01/2021		Theo Quyết định Chủ tịch HĐQT số 55/2020/QĐ-CTHĐQT ngày 26/5/2020 <i>According to Decision No. 55/2020/QĐ-CTHĐQT dated May 26th, 2020</i> Trở thành người có liên quan của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 <i>Becoming related person of Company according to regulations of Law on Enterprises 2021 effective from January 1st, 2021</i>
12	Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI <i>CEO cum Legal</i>	19/12/2022		Theo Giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK ngày 19/12/2022

		<i>Representative of SSI Asset Management</i>			<i>According to Amended License No.122/GPĐC-UBCK dated December 19th, 2022</i>
B. TỔ CHỨC / ORGANIZATION					
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI SSI Asset Management (SSIAM)	Công ty con SSI sở hữu 100% SSI 100% owned subsidiary	03/08/2007		
2	Quỹ đầu tư thành viên SSI (SSI IMF) SSI Investment Member Funds	Công ty con SSI sở hữu 76,15% SSI 76,15% owned subsidiary	27/07/2010		
3	Công ty Quốc tế SSI SSI International Company	76,15% sở hữu gián tiếp thông qua SSI IMF 76,15% indirect ownership through SSI IMF	27/08/2009		
4	Daiwa Securities Group Inc.	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI Strategic shareholder holding more than 10% of outstanding shares Ông Tsutomu Hiramatsu Tsutomu Hiramatsu – Thành viên HĐQT của SSI là Giám đốc điều hành cấp cao của Daiwa Securities Group Inc. Mr. Kosuke Mizuno – BOD Member of SSI is Senior	30/07/2015		



		<i>Managing Director of Daiwa Securities Group Inc</i>			
5	Công ty TNHH Đầu tư NDH (NDHI) <i>NDH Invest Company Limited (NDHI)</i>	<p>Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của SSI đồng thời là Chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty TNHH Đầu tư NDH <i>Mr. Nguyen Duy Hung – BOD Chairman, Legal Representative of SSI is concurrently owner and Chairman of NDHI</i></p> <p>Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành viên HĐQT SSI đồng thời là TGD của Công ty TNHH Đầu tư NDH <i>Mr. Nguyen Duy Khanh – BOD Member of SSI is concurrently CEO of NDHI</i></p> <p>Công ty TNHH Đầu tư NDH sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của SSI <i>NDHI owns more than 5% of outstanding shares</i></p>	06/01/2015		
6	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh <i>Sai Gon Dan Linh Real Estate</i>	Ông Nguyễn Hồng Nam - TV HĐQT SSI đồng thời sở hữu 75% VĐL, Chủ tịch Hội đồng thành viên (HĐTV) Công ty	22/09/2014		

	<i>Company Limited</i>	<p>TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh</p> <p><i>Mr. Nguyen Hong Nam - Board member of SSI concurrently owns 75% charter capital, Board Chairman of Sai Gon Dan Linh Real Estate Limited Company</i></p>			
7	<p>Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN</p> <p><i>The PAN Group Joint Stock Company</i></p>	<p>Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của SSI đồng thời là Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của PAN</p> <p><i>Mr. Nguyen Duy Hung - The BOD Chairman, Legal Representative of SSI is concurrently the BOD Chairman, Legal Representative of PAN</i></p> <p>Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là TV HĐQT PAN</p> <p><i>Board Member of SSI, Nguyen Duy Khanh is Board Member of SSI</i></p> <p>Ông Phạm Việt Muôn – Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng UBKT SSI đồng thời là Thành viên HĐQT, Trưởng</p>	31/08/2005		



		<p>UBKT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN</p> <p><i>Mr. Pham Viet Muon</i></p> <p>- <i>Independent Member of the BOD cum Head of AC of SSI is concurrently Member of the BOD cum Head of AC of PAN</i></p>			
8	<p>Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn</p> <p><i>Nguyen Sai Gon Limited Company</i></p>	<p>Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Em trai Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của SSI - Ông Nguyễn Duy Hưng, đồng thời là em trai của thành viên HĐQT của SSI - Ông Nguyễn Hồng Nam) làm Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn</p> <p><i>Mr. Nguyen Manh Hung (Brother of Board Chairman, Legal Representative of SSI - Mr. Nguyen Duy Hung and brother of Member of the Board of Directors of SSI - Mr. Nguyen Hong Nam) is owner of Nguyen Sai Gon Limited Company</i></p>	01/01/2021		

1.5 Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

1.5.1 Cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SSI

Không có

1.5.2 Công ty mẹ

Không có

1.5.3 Công ty con

1.5.3.1 Công ty con sở hữu đến thời điểm 31/03/2026

Công ty con sở hữu trực tiếp:

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý tương đương	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	03/8/2007	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 03/8/2007	Tầng 5, Tòa nhà Số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	75.000.000.000 VND	100%
2	Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	27/7/2010	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27/7/2010	Tầng 5, Tòa nhà Số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (Địa chỉ cũ: Tầng 5, Tòa nhà Số 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội)	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	530.500.000.000 VND	76,15%

Công ty con sở hữu gián tiếp qua SSI IMF:

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý tương đương	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty Quốc tế SSI	27/8/2009	Đăng ký kinh doanh số 090813396-4724807 ngày 27/8/2009	Delaware	Kinh doanh bất động sản	18.499.870,31 USD	76,15%

1.5.4 Công ty liên kết

1.5.4.1 Công ty liên kết sở hữu trực tiếp

Công ty liên kết sở hữu trực tiếp đến thời điểm 31/03/2026

ST T	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý tương đương	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết trên vốn điều lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	31/8/2005	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301472704 ngày 19/10/2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 4103003790 ngày 31/8/2005.	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh (Địa chỉ cũ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An)	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	2.162.945.800.000 VND	12,75%

1.5.1 Thông tin về Ban điều hành

Ban điều hành: Ban điều hành công ty gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán

Bảng 2: Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh
Hội đồng Quản trị			
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	1962
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành Viên HĐQT	1967
3	Ông Tsutomu Hiramatsu	Thành viên HĐQT	1974
4	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	1991
5	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên Độc lập HĐQT	1954
6	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Độc lập HĐQT	1959
Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Nguyễn Đức Thông	Tổng Giám đốc	1988
Ủy ban kiểm toán			
1	Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng Ủy ban kiểm toán	1954
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Ủy ban kiểm toán	1959

1.5.2 Hội đồng Quản trị

a. Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Duy Hưng (sinh năm 1962) tốt nghiệp Cử nhân Luật từ Đại học Luật Hà Nội và Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, đồng thời từng du học tại trường đại học Carl Schorlemmer Merseburg, Cộng hòa Dân chủ Đức từ năm 1980 đến 1984.

Ông Nguyễn Duy Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) – Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao. Ông Nguyễn Duy Hưng vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng ba nhờ những đóng góp và xây dựng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ông Nguyễn Duy Hưng được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào năm 1999 khi Công ty được thành lập.

b. Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành Viên HĐQT

Thành Viên HĐQT. Ông Nguyễn Hồng Nam (sinh năm 1967) có bằng Thạc sĩ Khoa học – Đại học Bách Khoa Lugansk, Ukraina. Ông là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Cùng với ông Nguyễn Duy Hưng, ông Nam tham gia sáng lập CTCP Chứng khoán SSI.



Ông Nguyễn Hồng Nam được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào năm 1999 khi Công ty được thành lập.

c. Ông Tsutomu Hiramatsu – Thành Viên HĐQT

Ông Tsutomu Hiramatsu (sinh năm 1974) có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) – Đại học Vanderbilt. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán và Ngân hàng đầu tư tại các thị trường châu Á - Thái Bình Dương. Từ 2019 đến nay, Ông nắm giữ nhiều vị trí cấp cao tại Tập đoàn Daiwa và các công ty con mà Daiwa đầu tư tại châu Á. Hiện nay, ông Tsutomu Hiramatsu giữ chức vụ, Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc của Daiwa Capital Markets Singapore Limited; Thành viên HĐQT và Giám đốc điều hành cấp cao của Daiwa Securities Group Inc., Daiwa Securities Co. Ltd; Thành viên HĐQT của Daiwa Capital Markets Hong Kong Ltd. Và Daiwa Capital Markets Investment Service Limited.

Ông Tsutomu Hiramatsu được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 23/4/2026.

d. Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành Viên HĐQT

Ông Nguyễn Duy Khánh (sinh năm 1991) tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Đại học George Washington – Hoa Kỳ. Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người sáng lập SSI International Corp. và có nhiều đóng góp vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Nguyễn Duy Khánh được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 23/04/2015.

e. Ông Phạm Viết Muôn – Thành Viên Độc Lập HĐQT

Ông Phạm Viết Muôn (sinh năm 1954) có bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Liên Xô. Ông Muôn nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và có kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Phạm Viết Muôn được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 25/04/2019.

f. Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành Viên Độc Lập HĐQT

Ông Nguyễn Quốc Cường (sinh năm 1959) có bằng Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế tại Trường Luật Fletcher, Hoa Kỳ. Ông Cường là một chính khách nổi tiếng, một nhà ngoại giao kỳ cựu của Việt Nam. Ông nguyên là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước



về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ và Nhật Bản. Hiện nay ông cũng là Cố vấn cao cấp tại Học viện Ngoại giao Việt Nam, đồng thời là chuyên gia tư vấn Hội đồng Lý luận Trung ương. Ông Nguyễn Quốc Cường được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 07/05/2022.

1.5.3 Ban Tổng Giám Đốc

a. Ông Nguyễn Đức Thông – Tổng Giám Đốc

Ông Thông tốt nghiệp Đại học và Cao học tại Đại học Cambridge (Vương quốc Anh). Trước đây, ông từng làm việc tại các tập đoàn tài chính lớn trên thế giới suốt 8 năm, trong đó có Goldman Sachs và từng nắm giữ vị trí Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư định lượng tại Morgan Stanley. Ông đã gia nhập SSI từ năm 2019, khi đó ông là Giám đốc Giao dịch phái sinh - chịu trách nhiệm phát triển sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm.

1.5.4 Ủy ban kiểm toán

a. Ông Phạm Việt Muôn – Trưởng Ủy ban kiểm toán

Vui lòng xem thông tin về Ông Phạm Việt Muôn – Trưởng Ủy ban kiểm toán được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây

b. Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên Ủy ban kiểm toán

Vui lòng xem thông tin về Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên Ủy ban kiểm toán được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây

1.6 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Ông Đặng Mạnh Cường - Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro

Ông Đặng Mạnh Cường có kinh nghiệm hơn 17 năm làm trong lĩnh vực chứng khoán trong đó có hơn 14 năm đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro. Ông Cường đã trang bị một nền tảng kiến thức chuyên môn sâu về Tài chính, Quản trị Rủi ro và Công nghệ Thông tin để phục vụ cho công việc, cụ thể là Bằng Kỹ sư Công nghệ Thông tin, Cử nhân Tài chính Ngân Hàng, Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Chứng chỉ Quản trị Rủi ro quốc tế FRM, chứng chỉ hành nghề Phân tích Tài chính của UBCK Nhà nước. Trong suốt quá trình làm việc của mình ông luôn thể hiện sự chuyên nghiệp và công tâm trong công việc và được tổ chức cũng như đồng nghiệp tin nhiệm cao.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm



2.1 Tổng hợp tình hình hoạt động

Thông tin các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: Không có

Hoạt động kinh doanh tại SSI được chia thành các mảng kinh doanh chính:

- Dịch vụ chứng khoán
- Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
- Quản lý quỹ
- Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính
- Đầu tư

Trên cơ sở Dịch vụ chứng khoán là nền tảng, các mảng kinh doanh vừa hoạt động độc lập, vừa tích cực hỗ trợ lẫn nhau, cung cấp cho khách hàng sản phẩm đa dạng, phong phú và trọn gói, gia tăng tính cạnh tranh của SSI. Một trong những lợi thế rất lớn của SSI so với các công ty chứng khoán khác là các mảng kinh doanh phát triển mạnh đồng đều và vững chắc, có uy tín trong ngành.

2.1.1 Dịch vụ chứng khoán

Trong Quý 1/2026, mảng Dịch vụ Chứng khoán ghi nhận doanh thu 1.682 tỷ đồng, chiếm khoảng 54% tổng doanh thu.

Nghiệp vụ môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 633 tỷ đồng, tăng 93% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trên HOSE đạt 11.14%, tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ năm ngoái (1Q25: 10.85%) và duy trì vị trí top 2 trên thị trường. Các cải tiến sản phẩm, dịch vụ và chiến lược người dùng là động lực chính cho tăng trưởng cả thị trường cơ sở và phái sinh.

Nghiệp vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt doanh thu gần 1.050 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ năm ngoái. Dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước đạt hơn 36.928 tỷ đồng, giảm nhẹ 5% so với đầu năm. Trong bối cảnh thị trường biến động mạnh, SSI chủ động duy trì quy mô dư nợ ở mức an toàn, tập trung quản trị rủi ro chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN – KHỐI BÁN LẺ

Năm 2025, hoạt động kinh doanh của Khối Bán lẻ diễn ra trong bối cảnh thanh khoản thị trường và tâm lý nhà đầu tư biến động, tác động trực tiếp đến tần suất giao dịch và nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn. Trước điều kiện thị trường thay đổi nhanh, Khối tập trung củng cố chất lượng tư vấn thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và hoạt động chia sẻ định hướng (ví dụ: “Điểm tin sáng”), nhằm cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác và kịp thời cho lực lượng tư vấn. Đồng thời, vai trò của môi giới được định vị nhất quán theo hướng “đối tác đồng hành”, lấy việc thấu hiểu mục tiêu tài chính, khẩu vị rủi ro và đặc điểm đầu tư của từng khách hàng làm nền tảng để xây dựng giải pháp phù hợp theo từng giai đoạn thị trường. Trong



tổng thể bối cảnh nêu trên, Khối Bán lẻ vẫn đạt kết quả tích cực ở các chỉ tiêu trọng yếu phản ánh hiệu quả vận hành và chất lượng tài sản.

- Lợi nhuận quản trị nội bộ đạt 1.334 tỷ đồng, tương đương 140% kế hoạch và tăng 61% so với năm 2024.
- Dự nợ margin bình quân đạt 32.533 tỷ đồng, hoàn thành 144% kế hoạch và tăng 88% so với năm trước; việc gia tăng dự nợ được thực hiện trên cơ sở kiểm soát rủi ro và theo dõi sát chất lượng tài sản đảm bảo.
- Giá trị tài sản quản lý (AUM) bình quân đạt 236.949 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2024.

Dự án Kinh doanh Trực tuyến – Digital Sales

Năm 2025, Dự án Kinh doanh Trực tuyến – Digital Sales tiếp tục được xác định là một trong những động lực tăng trưởng chiến lược của Công ty trong việc mở rộng thị phần, nâng cao hiệu quả vận hành và chuẩn hóa trải nghiệm khách hàng trên nền tảng số.

Trong năm 2025, Digital Sales ghi nhận tăng trưởng tích cực trên hầu hết các chỉ tiêu chính:

- Số lượng khách hàng mở mới trong năm 2025 vượt mốc 108 nghìn tài khoản, gấp hơn 3,5 lần so với cùng kỳ và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng số lượng khách hàng toàn Công ty.
- Thị phần môi giới chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh liên tục duy trì được đà tăng qua các tháng nhờ nền giao dịch ổn định đến từ tệp khách hàng mới. Lũy kế năm 2025, thị phần môi giới chứng khoán cơ sở đạt mức 0,88%, tăng trưởng 42% so với mức 0,62% ghi nhận trong năm 2024. Trên thị trường chứng khoán phái sinh, thị phần của Digital Sales cán mốc 1,13%, tăng trưởng tới 2,5 lần so với mức trung bình năm 2024 và đóng góp tới 31,6% trong cơ cấu thị phần của Công ty.
- Về dịch vụ tài chính: năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng dự nợ Margin mạnh mẽ của tệp khách hàng Digital, qua đó chạm mốc 1.534 tỷ đồng tính đến 31/12/2025. Nhờ các chương trình thúc đẩy kinh doanh hiệu quả, cả hai chỉ tiêu chính là tỷ lệ thâm nhập Margin (số lượng khách hàng có phát sinh dự nợ trên tổng số khách hàng quản lý) và ticket size Margin (quy mô dự nợ bình quân trên nhóm khách hàng sử dụng Margin) đều cải thiện rõ rệt. Cụ thể, tỷ lệ thâm nhập Margin trong năm 2025 lên tới 1,69% trên toàn bộ tệp khách hàng Digital, tương đương mức tăng 31% so với cùng kỳ. Trong khi đó, ticket size Margin vẫn duy trì ở mức 376,9 triệu đồng, cải thiện nhẹ so với mức 372,9 triệu đồng trong năm 2024. Tính chung trong năm 2025, dự nợ Margin bình quân của kênh Digital đạt gần 1.080 tỷ đồng, gấp hơn 2,6 lần so với dự nợ bình quân ghi nhận trong năm 2024.
- Lợi nhuận nội khối của kênh Digital năm 2025 tăng đáng kể so với năm trước, phản ánh hiệu quả từ việc mở rộng quy mô khách hàng, tăng trưởng dự nợ và tối ưu chính sách sản phẩm – giá phí. Đồng thời, hiệu suất lợi nhuận trên mỗi nhân sự duy trì ở mức cao, cho thấy hiệu quả vận hành được cải thiện rõ rệt.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN – KHỐI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục vận động theo hướng tiệm cận chuẩn mực quốc tế, phản ánh một phần tác động từ tiến trình nâng hạng lên thị trường mới nổi (FTSE Emerging Market). Khung



pháp lý và hạ tầng thị trường được điều chỉnh theo hướng đồng bộ hơn, tạo nền tảng cho sự tham gia sâu rộng của khối nhà đầu tư tổ chức và dòng vốn quốc tế.

Trong bối cảnh thị trường nêu trên, năm 2025 đánh dấu bước phát triển quan trọng của Khối KHTC khi hoạt động được mở rộng mạnh mẽ cả về phạm vi địa lý, quy mô khách hàng và chiều sâu dịch vụ. Khối được vận hành theo mô hình tích hợp, trong đó phát triển quan hệ khách hàng, gia tăng hiện diện thị trường và nâng cao năng lực thực thi giao dịch được triển khai đồng bộ nhằm tạo ra kết quả kinh doanh bền vững.

Kết quả thực hiện và vị thế thị trường

Năm 2025, Khối KHTC ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, thể hiện qua kết quả kinh doanh và thị phần cải thiện rõ rệt. Doanh thu tăng 82%, lợi nhuận tăng 85% và giá trị giao dịch tăng 250%, phản ánh hiệu quả tổng hợp của chiến lược mở rộng quan hệ, gia tăng hiện diện thị trường và nâng cao năng lực thực thi.

Trên cơ sở đó, SSI đã trở lại vị trí dẫn đầu mảng môi giới khách hàng nước ngoài trong nửa cuối năm 2025, đồng thời duy trì số lượng khách hàng tổ chức và mức độ tham gia giao dịch ở mức cao. Kết quả này tiếp tục khẳng định vị thế của SSI trong phân khúc KHTC, tạo nền tảng để Khối tập trung mạnh hơn vào mục tiêu chuyên hóa hiện diện thị trường thành giao dịch và các thương vụ cụ thể trong giai đoạn tiếp theo.

Phát triển quan hệ khách hàng và hiện diện thị trường

Hoạt động phát triển và duy trì quan hệ với NĐT tổ chức tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng, gia tăng tần suất tiếp xúc và nâng cao chất lượng trao đổi thông tin với các quỹ trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Khối chủ động triển khai các hoạt động kết nối doanh nghiệp (Corporate Access – CA) và quảng bá thị trường, qua đó gia tăng độ phủ và củng cố vị thế của SSI trong cộng đồng nhà đầu tư toàn cầu.

2.1.2 Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Trong Quý 1/2026 Mạng Ngân hàng Đầu tư đạt doanh thu gần 20,1 tỷ đồng. Trong Quý 1, SSI đóng vai trò tư vấn và tư vấn và bảo lãnh phát hành trong một số giao dịch huy động vốn quy mô lớn trên thị trường, trong đó có một số giao dịch nổi bật như: tư vấn phát hành riêng lẻ quy mô hơn 10.000 tỷ đồng cho BIDV, tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng trị giá 1.400 tỷ đồng cho Coteccons. Trong năm 2026, SSI dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện thêm nhiều giao dịch có quy mô lớn, giúp gia tăng thị phần của Công ty trên thị trường vốn.

Trong năm 2025, Khối Ngân hàng đầu tư tiếp tục thể hiện vai trò dẫn dắt thị trường thông qua việc tư vấn và triển khai thành công nhiều giao dịch quan trọng trên cả ba mảng hoạt động chính, qua đó khẳng

định năng lực cấu trúc thương vụ, khả năng thực thi và uy tín của SSI với các tổ chức phát hành và nhà đầu tư trong nước, quốc tế.

Ở mảng thị trường vốn (ECM), Khối IB tư vấn IPO cho Techcom Securities với quy mô 30 triệu USD, tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho BIDV (190 triệu USD) và tư vấn giao dịch block trade cho VIB (138 triệu USD). Những thương vụ này cho thấy năng lực triển khai các giao dịch vốn trong bối cảnh thị trường đòi hỏi cao về thời điểm, cấu trúc và khả năng kết nối NĐT.

Ở mảng thị trường nợ (DCM), Khối IB tư vấn phát hành trái phiếu cho Vietinbank (321 triệu USD), Home Credit (138 triệu USD) và tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng cho HDBank (400 triệu USD). Đây là các giao dịch có quy mô lớn, đòi hỏi tiêu chuẩn triển khai và chất lượng cao trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các định chế tài chính.

Ở mảng tài chính doanh nghiệp (CF), Khối IB tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng và niêm yết cho Bất động sản CRV và Taseco Land, tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng cho Becamex, đồng thời tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng và niêm yết cho Vinpearl. Danh mục thương vụ phản ánh năng lực đồng hành toàn diện của SSI với doanh nghiệp trong các bước huy động vốn và tiếp cận thị trường niêm yết.

Trong năm 2025, hiệu quả và tính bền vững của Khối IB được thể hiện qua kết quả kinh doanh khi doanh thu tăng gần 16% so với năm 2024. Kết quả này mang ý nghĩa tích cực trong bối cảnh doanh thu năm 2024 đã tăng trưởng mạnh (hơn 27% so với năm 2023), đồng thời phản ánh khả năng duy trì đà tăng trưởng qua các chu kỳ thị trường khác nhau. Khối IB hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2025. Trong cơ cấu doanh thu, mảng tư vấn trái phiếu tăng 10% và mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF) tăng 94%, cho thấy hiệu quả rõ nét từ định hướng tập trung vào các giao dịch có chiều sâu và khả năng chuyển hóa cơ hội thành thương vụ cụ thể.

2.1.3 Quản lý Quỹ

Quý 1/2026 hoạt động quản lý quỹ đầu tư đạt doanh thu 49.5 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2025.

Đến Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động từ môi trường kinh tế và tài chính toàn cầu, cùng với những hạn chế về công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá dành cho NĐTNN. Biến động tỷ giá trong giai đoạn này đã ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của một số nhóm khách hàng ngoại, qua đó tác động nhất định đến tăng trưởng tài sản ở một số sản phẩm.

Trước bối cảnh đó, SSIAM chủ động điều chỉnh chiến lược, tăng cường tập trung vào thị trường nội địa, mở rộng mạng lưới phân phối khách hàng cá nhân đa kênh và làm việc chặt chẽ hơn với các tổ chức trong nước nhằm phát triển chiều sâu với khách hàng tổ chức hiện tại và chiều rộng với KHTC mới.

Tổng tài sản quản lý cuối năm 2025 đạt 24.481 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2024. Tài sản quản lý phân bổ theo 4 mảng chính: quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư KHTC, quản lý tài sản cá nhân và tư vấn đầu tư. Hoạt động quản lý quỹ đầu tư là hoạt động kinh doanh cốt lõi, đóng góp 68% tổng tài sản quản lý, đạt 16.690 tỷ, tăng trưởng 43% so với năm 2025.

Quỹ mở đại chúng, tháng 9/2025, SSIAM huy động thành công Quỹ đầu tư kiến tạo tương lai SSI (SSIEF). Đây là quỹ mở có chiến lược đầu tư cân bằng, phân bổ linh hoạt tài sản vào cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định. Chỉ trong vòng 3 tuần, quỹ đã huy động thành công 73 tỷ đồng, vượt quy mô huy động tối thiểu 46%, và thu hút ~750 nhà đầu tư, trong đó phần lớn là nhà đầu tư giá trị nhỏ, phản ánh niềm tin của công chúng đầu tư đã dành cho SSIAM.

Quỹ ETF, SSIAM đã thành công đưa quỹ ETF SSIAM VNFINLEAD lên niêm yết ở Thái Lan dưới dạng chứng chỉ lưu ký (Depository Receipt) từ 09/12/2025, trong hợp tác với CTCK Finansia, Thái Lan. Đây là một bước đi quan trọng trong việc phân phối quỹ xuyên biên giới, đưa quỹ ETF của Việt Nam sang tầm khu vực. Các quỹ ETF đều đạt hiệu suất đầu tư vượt trội trong năm 2025. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD, ETF VN30 và ETF VNX50 lần lượt đạt hiệu suất 39.2%, 51.1% và 47.7%.

Quỹ đầu tư vốn cổ phần tư nhân, SSI ra mắt quỹ DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund IV (Daiwa 4) với quy mô ban đầu USD 30,5 triệu. Quỹ Daiwa 4 tiếp tục nhân rộng sự thành công của 3 quỹ SSIAM đồng quản lý với Daiwa (Nhật Bản) trước đó, phương pháp đã được chứng minh và thành tích đầu tư chủ động mạnh mẽ của SSIAM, khả năng tận dụng mối quan hệ mạnh mẽ với Nhật Bản và mạng lưới doanh nghiệp/chiến lược của Tập đoàn Chứng khoán Daiwa, nhằm nâng cao giá trị của các công ty trong danh mục đầu tư của quỹ. Cũng trong năm 2025, SSIAM thực hiện đóng Quỹ Daiwa 2 khi hết vòng đời quỹ, đạt hiệu quả nổi bật từ các khoản đầu tư như Đông Hải Bến Tre, Con Cưng, và Onpoint.

Tháng 2/2026, SSIAM hợp tác với Development Bank of Japan (DBJ) ra mắt Quỹ Japan Vietnam Capital Fund (JVCF). Quỹ có quy mô 90 triệu USD, tập trung vào các doanh nghiệp niêm yết có chuẩn mực cao, áp dụng kỷ luật đầu tư và khung quản trị, quản trị rủi ro rõ ràng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng dài hạn. Đây là kết quả của quá trình, chiến lược, những nỗ lực trong suốt 2025. Việc hợp tác với DBJ tiếp tục củng cố nền tảng để SSIAM mở rộng các giải pháp đầu tư dài hạn, đáp ứng nhu cầu vốn trung – dài hạn của nền kinh tế.

Quỹ hưu trí tự nguyện: trong năm 2025, SSIAM duy trì là đơn vị quản lý quỹ hưu trí tự nguyện lớn nhất thị trường, với tổng tài sản quản lý hơn 1.633 tỷ đồng và hơn 21.000 người tham gia quỹ.

Trong năm 2025, SSIAM tập trung mở rộng kênh phân phối và các hình thức thu hút khách hàng cá nhân nhằm gia tăng sự hiện diện của các sản phẩm chứng chỉ quỹ trong phân bổ tài sản của NĐT. Công ty tập trung vào hai chiến lược:



Phát triển đại lý phân phối quỹ mở: Trong năm 2025, SSIAM tiếp tục mở rộng hệ thống đại lý phân phối thông qua việc hợp tác với các nền tảng fintech đầu tư (Digilvest, Digi Finance) và các công ty chứng khoán lớn (VNSC by Finhay, TCBS). Bên cạnh việc thúc đẩy doanh số thông qua mạng lưới đại lý phân phối bên ngoài, SSIAM cũng thành lập đội ngũ kinh doanh số chuyên trách với nhiệm vụ mở rộng kênh phân phối trên nền tảng số. Đội ngũ này không chỉ phát triển kênh số riêng của SSIAM mà còn phối hợp chặt chẽ với các đối tác phân phối trọng điểm nhằm đẩy nhanh hoạt động phân phối quỹ trên các nền tảng số của đối tác.

Phát triển khách hàng cá nhân: Nhờ việc đa dạng hóa kênh phân phối và tăng cường các hoạt động truyền thông trên nhiều nền tảng, số lượng tài khoản khách hàng quỹ mở mới trong năm đạt hơn 37.400 tài khoản, nâng tổng số khách hàng quỹ mở cuối năm lên hơn 168.000 khách hàng, tăng trưởng 29% so với với 2024.

2.1.4 Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

Trong Quý 1/2026 doanh thu từ hoạt động Nguồn vốn & Kinh doanh tài chính ghi nhận 183 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2025. Trong bối cảnh lãi suất có nhiều biến động mạnh, công ty cố gắng đa dạng hóa các kênh huy động vốn mới để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty.

Năm 2025, Khối Nguồn vốn tập trung vào một mục tiêu xuyên suốt: đảm bảo thanh khoản an toàn cho toàn Công ty và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh chi phí vốn biến động mạnh. Theo đó, Khối vừa duy trì kỷ luật về chất lượng tài sản, vừa mở rộng năng lực huy động vốn trong và ngoài nước để hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh, đặc biệt là hoạt động cho vay ký quỹ.

Kết quả nổi bật trong năm là doanh thu đạt 606 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước và vượt kế hoạch được giao. Về quy mô, tổng tài sản tăng 25% so với cùng kỳ, vượt mốc 90.000 tỷ đồng, tiếp tục đưa SSI giữ vị thế CTCK có tổng tài sản lớn nhất thị trường. Không chỉ tăng trưởng về quy mô đơn thuần, chất lượng của bảng cân đối vẫn được giữ vững: tài sản thanh khoản cao chiếm trên 50% tổng tài sản, chủ yếu là tiền gửi và trái phiếu của các tổ chức tín dụng lớn, giúp SSI luôn giữ thế chủ động khi thị trường biến động.

Ở trụ cột vốn và quan hệ tín dụng, Khối Nguồn vốn tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới đối tác. SSI duy trì vai trò là khách hàng lớn của các ngân hàng hàng đầu trong nước như BIDV, Vietcombank, VietinBank, Agribank... đồng thời tăng cường quan hệ với các ngân hàng nước ngoài. Điểm nhấn quan trọng nhất là khoản vay hợp vốn tín chấp lên tới 300 triệu USD, được xem là thương vụ huy động vốn quốc tế có quy mô lớn nhất từ trước đến nay trong ngành chứng khoán Việt Nam. Nhờ uy tín và nền tảng quản trị, tổng hạn mức tín dụng được cấp cho SSI tiệm cận 4 tỷ USD, tạo "đệm vốn" đủ rộng để Công ty vận hành ổn định qua các nhịp căng thanh khoản. Trên nền tảng đó, nguồn vốn luôn được bảo đảm, hỗ trợ cho dư nợ cho vay ký quỹ tăng lên 39.000 tỷ đồng.

**2.1.5 Đầu tư**

Quý 1/2026 doanh thu từ hoạt động Đầu tư đạt 1.358 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2025 và đóng góp khoảng 39% tổng doanh thu hoạt động. Danh mục đầu tư tiếp tục tập trung vào nhóm tài sản thu nhập cố định do các tổ chức tín dụng phát hành, đồng thời được điều chỉnh quy mô phù hợp với diễn biến chính sách vĩ mô và mặt bằng lãi suất.

TTCK năm 2025 ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý. Sau giai đoạn chịu tác động từ việc Mỹ điều chỉnh thuế quan theo hướng thắt chặt vào tháng 4, thị trường đã nhanh chóng phục hồi nhờ các chính sách “Đổi mới 2.0”, tinh gọn bộ máy nhà nước, thúc đẩy đầu tư công, tháo gỡ pháp lý cho BĐS và nới lỏng tiền tệ thông qua tăng trưởng tín dụng. Kết thúc năm, VN-Index tăng trưởng 40% so với đầu năm, với động lực chính đến từ nhóm Ngân hàng và Vingroup.

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu đã triển khai các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ, đồng thời linh hoạt cơ cấu danh mục theo diễn biến thị trường. Nhờ đó, danh mục quản lý đạt mức tăng trưởng 23% trong năm 2025 với độ biến động thấp. Việc kết hợp phân tích định lượng cùng phân tích cơ bản truyền thống đã nâng cao chất lượng quyết định đầu tư, cải thiện hiệu quả sinh lời.

Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng số mã chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là 258, tăng trưởng hơn gấp đôi so với cùng kỳ. Trong cùng giai đoạn này, số lượng nhà phát hành tham gia thị trường chứng quyền cũng tăng mạnh từ 05 nhà phát hành lên 14 phát hành. Sự thay đổi này cho thấy cạnh tranh ngày càng lớn giữa các nhà bán chứng quyền, đòi hỏi mỗi tổ chức phải nắm bắt nhanh thị hiếu của nhà đầu tư và có những chiến lược phát hành linh hoạt, tối ưu vận hành và quản lý chi phí hợp lý.

Về chiến lược phát hành, SSI tiếp tục chủ trương bán chứng quyền trên nhiều cổ phiếu cơ sở khác nhau, và trên mỗi cổ phiếu cơ sở cũng đồng thời ra mắt các chứng quyền với kỳ hạn đa dạng. Chiến lược phát hành phân tán này vừa giúp giảm rủi ro, tăng lợi nhuận và tối ưu nguồn vốn cho SSI, đồng thời tạo ra nhiều lựa chọn cho NĐT. Đặt trong bối cảnh TTCK 2025 có nhiều biến động mạnh hậu sự kiện thuế quan, kèm mặt bằng chi phí ký quỹ tăng cao, SSI đã vượt qua các khó khăn và hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận năm cho mảng chứng quyền.

Ngoài chỉ tiêu lợi nhuận, SSI cũng đặc biệt quan tâm việc cải thiện thị phần giao dịch. Năm 2025, Công ty tập trung phát hành hai đợt chứng quyền mới vào nửa sau Quý 2 ngay khi TTCK đã ổn định trở lại và một đợt vào cuối Quý 4. Ngoài ra, Công ty cũng liên tục phát hành bổ sung các mã chứng quyền hết hàng và hủy chủ động một phần chứng quyền ít nhu cầu. Sự linh hoạt này giúp bổ sung cho NĐT các sự lựa chọn phù hợp với nhu cầu và giúp SSI hiện diện ổn định trên thị trường chứng quyền. Trong cả năm 2025, SSI đạt thị phần giao dịch trung bình trên 42% và tiếp tục duy trì vị trí số một thị phần trên thị trường năm thứ ba liên tiếp.

Để duy trì được lợi nhuận và thị phần, ngoài việc phát hành chứng quyền đa dạng với quy mô lớn, SSI luôn đảm bảo cao nhất việc tạo lập thị trường giúp chênh lệch giá mua bán ở mức cạnh tranh, và NĐT có thể dễ dàng thực hiện mua bán với số lượng lớn trong phần lớn thời gian vòng đời của sản phẩm. Nhờ vậy, dù TTCK Việt Nam đã có nhiều biến động mạnh từ cuối tháng 4 kéo dài tới cuối năm 2025, chứng quyền của SSI vẫn được nhà đầu tư đón nhận và giao dịch sôi động.



- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng giảm	Lũy kế đến quý 1/2026
Tổng giá trị tài sản	73.507.303	94.049.979	27,95%	93.113.743
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	8.708.575	13.112.475	50,53%	3.295.106
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	3.543.940	5.077.038	43,26%	1.595.723
Lợi nhuận khác	-413	5.936	1.537,29%	-2.291
Lợi nhuận trước thuế	3.543.527	5.082.974	43,44%	1.593.432
Lợi nhuận sau thuế	2.845.109	4.106.881	44,86%	1.277.595

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất lũy kế đến Quý 1/2026 của SSI

- Các chứng quyền mà công ty đã phát hành còn lưu hành tính tới ngày 13/5/2026:

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày đáo hạn	Số lượng đang lưu hành	Số lượng chào bán	Số lượng đang niêm yết
1	Chứng quyền ACB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CACB2510	ACB	12	Mua	2:1	22.500	23/6/2025	8.862.000	15.000.000	9.000.000
2	Chứng quyền ACB/15M/SSI/C/EU/Cash-20	CACB2511	ACB	15	Mua	2:1	23.000	23/6/2025	12.874.300	13.000.000	13.000.000
3	Chứng quyền FPT/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CFPT2517	FPT	12	Mua	8,6088 :1	105.888	23/6/2025	16.872.900	17.000.000	17.000.000
4	Chứng quyền FPT/15M/SSI/C/EU/Cash-20	CFPT2518	FPT	15	Mua	8,6088 :1	105.888	23/6/2025	14.873.300	15.000.000	15.000.000
5	Chứng quyền FPT/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CFPT2607	FPT	6	Mua	5:1	93.000	31/12/2025	7.885.900	8.000.000	8.000.000
6	Chứng quyền FPT/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CFPT2608	FPT	9	Mua	5:1	96.000	31/12/2025	6.866.800	7.000.000	7.000.000
7	Chứng quyền HPG/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CHPG2524	HPG	12	Mua	1,6355 :1	23.733	23/6/2025	7.758.700	15.000.000	9.000.000

BẢN CÁO BẠCH**CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

8	Chứng quyền HPG/15M/SSI/C/EU/Cash-20	CHPG2525	HPG	15	Mua	1,6355 :1	24.149	23/6/2025	6.893.400	13.000.000	7.000.000
9	Chứng quyền HPG/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CHPG2607	HPG	9	Mua	1,9641 :1	28.000	31/12/2025	20.609.400	21.000.000	21.000.000
10	Chứng quyền HPG/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CHPG2608	HPG	6	Mua	1,9641 :1	27.000	31/12/2025	11.829.500	25.000.000	25.000.000
11	Chứng quyền LPB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CLPB2503	LPB	12	Mua	4:1	35.000	23/6/2025	259.900	20.000.000	3.500.000
12	Chứng quyền MBB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CMBB2516	MBB	12	Mua	1,5000 :1	19.875	23/6/2025	1.597.900	15.000.000	2.000.000
13	Chứng quyền MBB/15M/SSI/C/EU/Cash-20	CMBB2517	MBB	15	Mua	1,5000 :1	20.250	23/6/2025	1.872.700	13.000.000	2.500.000
14	Chứng quyền MBB/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CMBB2607	MBB	9	Mua	2:1	26.000	31/12/2025	4.175.100	15.000.000	15.000.000
15	Chứng quyền MBB/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CMBB2608	MBB	6	Mua	2:1	25.000	31/12/2025	4.703.000	19.000.000	19.000.000
16	Chứng quyền MSN/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CMSN2516	MSN	12	Mua	4:1	72.000	23/6/2025	9.172.200	10.000.000	10.000.000
17	Chứng quyền MSN/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CMSN2604	MSN	6	Mua	5:1	77.000	31/12/2025	8.403.400	10.000.000	10.000.000
18	Chứng quyền MSN/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CMSN2605	MSN	9	Mua	5:1	79.000	31/12/2025	7.478.600	8.000.000	8.000.000
19	Chứng quyền MWG/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CMWG2515	MWG	12	Mua	3,9433 :1	67.035	23/6/2025	5.357.300	12.000.000	6.000.000
20	Chứng quyền MWG/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CMWG2608	MWG	6	Mua	5:1	90.000	31/12/2025	16.599.300	17.000.000	17.000.000
21	Chứng quyền MWG/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CMWG2609	MWG	9	Mua	5:1	90.000	31/12/2025	10.611.800	13.000.000	13.000.000
22	Chứng quyền STB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CSTB2521	STB	12	Mua	4:1	50.000	23/6/2025	1.468.500	16.000.000	10.000.000
23	Chứng quyền TCB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CTCB2512	TCB	12	Mua	1,9484 :1	36.045	23/6/2025	7.005.300	14.000.000	8.000.000
24	Chứng quyền TCB/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CTCB2604	TCB	6	Mua	2:1	34.000	31/12/2025	4.824.400	9.000.000	9.000.000
25	Chứng quyền TCB/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CTCB2605	TCB	9	Mua	2:1	35.000	31/12/2025	1.478.800	7.000.000	7.000.000
26	Chứng quyền VHM/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CVHM2516	VHM	12	Mua	4:1	79.000	23/6/2025	3.060.200	10.000.000	5.500.000

BẢN CÁO BẠCH

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM



27	Chứng quyền VHM/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CVHM2606	VHM	6	Mua	5:1	135.000	31/12/2025	349.500	7.000.000	7.000.000
28	Chứng quyền VHM/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CVHM2607	VHM	9	Mua	5:1	135.000	31/12/2025	43.000	6.000.000	6.000.000
29	Chứng quyền VIB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CVIB2508	VIB	12	Mua	1,6654:1	16.687	23/6/2025	5.893.000	20.000.000	6.000.000
30	Chứng quyền VNM/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CVNM2515	VNM	12	Mua	3,8239:1	57.358	23/6/2025	11.520.100	12.000.000	12.000.000
31	Chứng quyền VPB/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CVPB2516	VPB	12	Mua	2:1	20.000	23/6/2025	2.761.900	20.000.000	3.500.000
32	Chứng quyền VPB/6M/SSI/C/EU/Cash-21	CVPB2605	VPB	6	Mua	2:1	29.000	31/12/2025	6.857.900	10.000.000	10.000.000
33	Chứng quyền VPB/9M/SSI/C/EU/Cash-21	CVPB2606	VPB	9	Mua	2:1	30.000	29/9/2026	522.300	8.000.000	8.000.000
34	Chứng quyền VRE/12M/SSI/C/EU/Cash-20	CVRE2516	VRE	12	Mua	2:1	26.000	23/6/2026	2.902.900	13.000.000	3.000.000

3. Tình hình tài chính

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này.
- Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản Thuế giá trị gia tăng, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân và các khoản Thuế khác theo các quy định của Nhà nước.
- Tổng dư nợ vay tính đến 31/3/2026: 51.965.687 triệu đồng
 - Nợ quá hạn, tổng dư nợ bảo lãnh, quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, khả năng thu hồi: **không có**
- Tình hình công nợ hiện nay:
 - Tổng số nợ phải thu tính đến 31/3/2026: 3.394.156 triệu đồng
 - Tổng số nợ phải trả tính đến 31/3/2026: 53.445.550 triệu đồng
- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng:	22.741.002	26.996.996	

- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	4.866.321	4.882.850	
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	467,31%	552,89%	
<u>Giá trị vốn khả dụng</u>	22.741.002	26.996.996	
Tổng rủi ro	4.866.321	4.882.850	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,52	1,44	
- Hệ số thanh toán nhanh:	1,48	1,40	
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>	69.076.856	86.674.560	Tài sản tài chính ngắn hạn (không bao gồm các khoản phải thu)
Nợ ngắn hạn	46.599.439	61,901,661	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,66	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,74	1,93	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,33	0,31	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,13	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,04	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,41	0,39	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1,554	2,053	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 và 2025 SSI



VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm

Tên chứng quyền: Chứng quyền MBB/3M-1/SSI/2026-01

- ❖ Tên (mã) chứng khoán cơ sở: MBB
- ❖ Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
- ❖ Loại chứng quyền: Chứng quyền mua
- ❖ Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- ❖ Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- ❖ Thời hạn của chứng quyền: 3 tháng
- ❖ Ngày phát hành dự kiến: trong tháng 4-6/2026
- ❖ Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trong tháng 7-9/2026
- ❖ Ngày đáo hạn dự kiến: trong tháng 7-9/2026
- ❖ Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1 (02 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- ❖ Khoảng giá thực hiện dự kiến: từ 8.000 đồng/cổ phần đến 39.000 đồng/cổ phần, giá thực hiện được thông báo cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của SSI.
- ❖ Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
- ❖ Tài sản bảo đảm thanh toán: bằng tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi được ký quỹ tại Ngân hàng Lưu ký
- ❖ Khoảng giá chào bán dự kiến: từ 1.000 đồng/chứng quyền đến 3.300 đồng/chứng quyền, giá chào bán được thông báo cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của SSI.
- ❖ Tổng số lượng chào bán: 25.000.000 chứng quyền
- ❖ Tổng giá trị chào bán: từ 25.000.000.000 đồng đến 82.500.000.000 đồng
- ❖ Phương pháp tính giá chào bán: sử dụng mô hình Black Scholes với các thông số đầu vào:
 - Lãi suất: tối đa không quá lãi suất trung bình đầu vào của 4 ngân hàng quốc doanh + biên độ 5%
 - Giá chứng khoán cơ sở: không quá 1,2 lần giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành
 - Độ biến động: không quá giá trị tối đa trong vòng 5 năm của độ biến động lịch sử năm (kỳ tính toán: 6 tháng)



2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Ngày niêm yết lần đầu	01/11/2011
Chỉ số P/E	7,87
Mức vốn hóa (tỷ đồng)	210.638
Dao động bình quân của giá chứng khoán cơ sở trong 06 tháng gần nhất	31,57%
Tính thanh khoản	
Khối lượng giao dịch trung bình trong năm	29.556.069
Giá giao dịch cao nhất trong năm (đồng)	29.000
Giá giao dịch thấp nhất trong năm (đồng)	15.500

(Các thông tin về chứng khoán cơ sở được tính toán tại ngày 02/04/2026. Nguồn: HSX)

- **Giá đóng cửa (điều chỉnh) của ngày giao dịch cuối cùng các tháng trong năm (trong 12 tháng gần nhất tính tới thời điểm hiện tại):**

Tháng	Giá (đồng)
29/4/2025	17.677
30/5/2025	18.277
30/6/2025	19.365
31/7/2025	20.604
29/8/2025	27.750
30/9/2025	26.200
31/10/2025	23.600
28/11/2025	23.250
31/12/2025	25.300
30/1/2026	27.200
27/2/2026	28.500
31/3/2026	26.450

(Nguồn: HSX)

- **Các sự kiện vi phạm pháp luật đối với tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở tính tới thời điểm hiện tại:** Không có.



- **Lĩnh vực hoạt động:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB) được thành lập năm 1994 với lĩnh vực hoạt động như huy động vốn, sử dụng vốn, cung ứng sản phẩm phái sinh, kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác... Ngày 01/11/2011, Ngân hàng chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán MBB.
- **Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% tăng giảm	Quý 1/2026
Tổng giá trị tài sản	1.128.801	1.615.764	43,14%	1.611.223
Vốn chủ sở hữu	117.060	142.023	21,33%	149.745
Doanh thu	55.413	67.693	22,16%	17.430
Thuế và các khoản phải nộp	-5.878	-6.885	17,14%	-1.926
Lợi nhuận trước thuế	28.829	34.268	18,87%	9.628
Lợi nhuận sau thuế	22.951	27.383	19,31%	7.703
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	19,61%	19,28%		

- **Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 02 năm gần nhất**

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn		
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,90	0,91
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	8,64	10,38
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	41,42%	40,45%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,61%	19,28%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,03%	1,69%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	3.724	3.325



3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm

Dự kiến tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc sau khi người mua chứng quyền có bảo đảm tiếp cận Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán, thời gian phân phối cụ thể sẽ được thông báo tại bản Thông báo phát hành của SSI.

4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

Thông báo phát hành chứng quyền

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán. Bản cáo bạch chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán.

Địa điểm đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở, Chi nhánh, Phòng giao dịch của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và/hoặc kênh online bao gồm nhưng không giới hạn website, ứng dụng của Công ty.

Phương thức thanh toán

Các phương thức thanh toán mua chứng quyền như sau:

- Nộp tiền vào tài khoản chỉ dẫn.
- Chuyển khoản: từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản chỉ dẫn, hoặc từ tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tại SSI vào tài khoản theo chỉ dẫn.
- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền.

Thanh toán

Tiền thanh toán mua chứng quyền cần được ghi nhận vào tài khoản của tổ chức phát hành tại ngày bắt đầu nhận đăng ký mua và trước 16h ngày làm việc cuối cùng trong ngày nhận đăng ký mua cuối cùng. Các lệnh thanh toán được ghi nhận vào tài khoản chỉ dẫn sau thời hạn thanh toán sẽ được coi là không hợp lệ.

Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản chỉ dẫn khác số tiền ghi trên Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm, số lượng chứng quyền được phân phối dựa trên giá trị nhỏ hơn giữa số tiền thanh toán và giá trị đăng ký mua chứng quyền.

Các lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ:

- Lệnh đăng ký mua chứng quyền nhỏ hơn lệnh đặt tối thiểu;



- Nhà Đầu Tư đã làm lệnh thanh toán nhưng không ghi phiếu lệnh đăng ký mua chứng quyền;
- Lệnh thanh toán ghi sai Nội dung chuyển tiền;
- Lệnh thanh toán được ghi nhận vào tài khoản SSI sau thời hạn thanh toán;
- Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm ghi sai Nội dung thông tin.

Nguyên tắc phân phối chứng quyền

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua của tất cả các nhà đầu tư lớn hơn số lượng chào bán, chứng quyền sẽ được phân phối theo tỷ lệ. Số chứng quyền nhà đầu tư nhận được sẽ được tính = số lượng chứng quyền nhà đầu tư đăng ký mua * (tổng số lượng chào bán/ tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của tất cả các nhà đầu tư).

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được SSI thông báo tại Thông báo phát hành chứng quyền sau khi SSI được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền.

Nguyên tắc làm tròn: số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng trăm với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền: trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày kết thúc đăng ký mua chứng quyền, SSI sẽ gửi thông báo dự kiến kết quả phân phối chứng quyền tới nhà đầu tư qua hình thức thư điện tử (email).

Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 100 chứng quyền

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền

SSI sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư hủy đăng ký/đăng ký không thành công/đăng ký vượt số lượng trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả phân phối chứng quyền từ UBCKNN. Tổ chức phát hành sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản nhà đầu tư đã đăng ký trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Quy trình đặt mua chứng quyền có bảo đảm khi SSI phát hành như sau:

- **Bước 1:** Nhà đầu tư nhận và điền đầy đủ thông tin vào “GIẤY ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM” theo mẫu
- **Bước 2:** Nhà đầu tư nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản đến tài khoản có thông tin như sau:



Tên người thụ hưởng:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Số tài khoản:	2223842916
Tại Ngân Hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Thanh Xuân
Nội dung:	<Tên nhà đầu tư> <Số CMND/CCCD/CC> nộp tiền mua <Số lượng chứng quyền có bảo đảm> Chứng quyền <Mã chứng quyền> <Tên tổ chức phát hành>
Ví dụ:	Trần Văn A, CMND/CCCD/CC 012345678, nộp tiền mua 5000 chứng quyền XXXX CTCP YYYY

- Bước 3: Nhà đầu tư nộp Bộ hồ sơ Đăng ký MUA chứng quyền có bảo đảm tại các Quỹ DVKH của SSI

Lưu ý: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM khi nộp, bao gồm:

Đối với cá nhân:

- 02 Bản chính “Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm” hợp lệ
- 01 Bản sao giấy nộp tiền mặt hoặc ủy nhiệm chi
- 01 Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/CC
- 01 Giấy ủy quyền (nếu có)
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC & Hộ chiếu (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản nếu Nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại CTCK không phải SSI (nếu có)

Đối với pháp nhân:

- 02 Bản chính “Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm” hợp lệ
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 01 Bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có)
- 01 Bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi
- 01 Bản sao CMND/CCCD/CC hoặc Hộ chiếu của người đại diện pháp luật
- 01 Bản sao Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC (dành cho NĐT Nước ngoài)



- 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản nếu Nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại CTCK không phải SSI (nếu có)

Lưu ý: Khi điền Giấy đăng ký mua, Nhà đầu tư đăng ký nhận Kết quả Phân phối dự kiến qua email (được gửi sau khi kết thúc đợt Phát hành) và nhận Kết quả Phân phối chính thức qua SMS (được gửi sau khi kết thúc Lưu ký tự động).

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm

- a) Đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm có thể bị hủy bỏ bởi UBCK trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Chứng khoán mà không khắc phục được những thiếu sót dẫn đến việc đình chỉ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Chứng khoán, UBCK có quyền đình chỉ chào bán chứng khoán ra công chúng tối đa là 60 ngày trong các trường hợp sau:

- Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng có thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư;
- Việc phân phối chứng quyền có bảo đảm không thực hiện đúng quy định tại Điều 26 của Luật Chứng khoán;

- Sau khi kết thúc đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng mà phát hiện đợt chào bán vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Chứng khoán.

- b) Đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm có thể bị hủy bỏ theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng bị hủy bỏ, tổ chức phát hành phải công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán và phải thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Hết thời hạn này, tổ chức phát hành phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các điều khoản đã cam kết với nhà đầu tư.

6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm

6.1. Trường hợp thanh toán bằng tiền:

6.1.1. Quy trình thanh toán:

- (1) Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, TCPH không phải gửi thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền. VSDC sẽ căn cứ vào hồ sơ đăng



- ký chứng quyền, chủ động thực hiện lập và thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- (2) Trường hợp thực hiện chứng quyền do huỷ niêm yết nhưng chưa đến thời gian đáo hạn, TCPH gửi VSDC văn bản thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền chậm nhất 01 ngày làm việc sau ngày SGDCK ra quyết định huỷ niêm yết.
 - (3) Thông báo về giá thanh toán chứng quyền: Trước 14h00 ngày đăng ký cuối cùng, TCPH phải gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC để thực hiện chứng quyền.
 - (4) Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.
 - (5) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi cho TCPH, SGDCK và các Thành viên lưu ký có liên quan văn bản thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
 - (6) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký liên quan.
 - (7) Thành viên lưu ký có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11h00 ngày làm việc liền kề sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các nội dung sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký liên quan.
 - (8) Vào ngày làm việc thứ 02 sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi TCPH Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền dưới dạng chứng từ điện tử.
 - (9) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC chậm nhất vào ngày làm việc thứ 03 sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
 - (10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán thực hiện chứng quyền, TCPH phải chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của TCPH, VSDC sẽ thông



báo cho Thành viên Lưu ký có liên quan. TCPH chịu mọi trách nhiệm phát sinh nếu không thực hiện chuyển đủ số tiền trong thời gian quy định.

- (11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền Lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của Thành viên Lưu ký liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. Thành viên Lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền Lưu ký trong ngày thanh toán.
- (12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDC và các Thành viên Lưu ký về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

6.1.2. Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi giá thanh toán lớn hơn giá thực hiện, được tính theo công thức [(Giá thanh toán – Giá thực hiện)/Tỷ lệ chuyển đổi]. Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

6.1.3. Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Khi Công ty bị mất khả năng thanh toán, hoặc thực hiện hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản thì việc bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần và phương án hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản và các quy định về xử lý trường hợp đặc biệt tại Điều 13 Thông tư số 122/2025/TT-BTC hướng dẫn về chứng quyền có bản đảm và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở (giá thanh toán) cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết do tổ chức phát hành; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện



hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

- Cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực như sau: sử dụng công thức Black Scholes:

$$C = (N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T})/k$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá thanh toán của chứng quyền mua tại ngày hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền;

S: Giá chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn: là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền;

r_c : Lãi suất phi rủi ro (TCPH sử dụng lãi suất VNIBOR kỳ hạn 1M);

VNIBOR 1M (3% to 4%).

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (TCPH sử dụng độ biến động giá của chứng khoán cơ sở trong quá khứ để dự báo mức biến động của chứng khoán cơ sở trong tương lai).

Volatility 40% – 60%

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo công thức Black Scholes:

$$\text{DeltaCALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

DeltaCALL là giá trị delta của chứng quyền mua.

$N(d_1)$ là xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được



c xác định theo công thức định giá Black Scholes.

k: tỷ lệ chuyển đổi của CW và cổ phiếu

8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh. Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới. Các trường hợp khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK.
- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau:
 - Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
 - Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở giao dịch chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm.

a) Phí giao dịch

Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền có bảo đảm. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

b) Thuế TNCN

- Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền



Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

- **Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

- **Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền**

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

c, Phí thực hiện quyền, phí lưu ký, chuyển khoản

Áp dụng theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

Điều 6 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường tại Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của TCPH chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 02/03/2018) quy định như sau:

10.1. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:



- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

10.2. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng (mười) 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng khối lượng tối thiểu của lệnh, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán;



- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng cá nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1. Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi SSI không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như SSI bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền do không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.
- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
- **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi SSI bị vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.



- **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ như hệ thống giao dịch bị lỗi, phần mềm tính toán để thực hiện giao dịch hedging bị lỗi dẫn tới mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro), nhân viên (không tuân thủ quy trình công việc,..), các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh...), thiếu các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.
- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro khi công ty không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.

1.2. Phân tích rủi ro

- **Rủi ro thanh toán:** Với quy mô của SSI cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại SSI là thấp, bên cạnh đó công ty cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo.
- **Rủi ro pháp lý:** Có thể xảy ra nếu công ty vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.
- **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.
- **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

1.3. Kiểm soát rủi ro

- **Rủi ro thanh toán:**
 - Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro
 - i. Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của UBCK.
 - ii. Bên cạnh đó công ty luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.
 - Cách thực hiện
 - i. Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro



- ii. Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của công ty bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.
- iii. Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, các báo cáo giám sát.

- Rủi ro thanh khoản:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
- Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chỉ phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
- Cơ sở vật chất: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát

- Rủi ro hoạt động:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
- Cách thực hiện:
 - i. Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.
 - ii. Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
 - iii. Tiến hành đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.
 - iv. Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên công ty để có điều chỉnh nếu cần.
 - v. Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Công cụ thực hiện
- Các quy trình làm việc
- Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.

- Rủi ro pháp lý:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
- Cách thực hiện:



- i. Bộ phận luật thực hiện rà soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng.
 - ii. Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.
 - iii. Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của công ty về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.
- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của công ty.

1.4. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty tự mình hoặc thông qua các tiểu ban trực thuộc (được thành lập theo Điều lệ của Công ty) hoặc cử thành viên HĐQT chuyên trách thực hiện các chứng năng liên quan đến QTRR, bao gồm:

- Giám sát, quản lý cấp cao đối với toàn bộ hoạt động của hệ thống QTRR;
- Thiết lập hệ thống QTRR đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất;
- Thông qua Chiến lược quản trị rủi ro được thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng thời kỳ;
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro;
- Xem xét và phê duyệt kế hoạch dự phòng do Tổng Giám Đốc xây dựng.

Tổng giám đốc

- Thành lập bộ phận QTRR hoạt động tách biệt, độc lập với các bộ phận tác nghiệp;
- Chỉ đạo và quản lý công tác kiểm tra, rà soát thường xuyên với hoạt động QTRR;
- Xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng

Ủy ban kiểm toán

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động QTRR của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
- Đánh giá hiệu quả của hoạt động QTRR

2. Phương án phòng ngừa rủi ro

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro:



Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra.

Để tổng chi phí phòng ngừa rủi ro trong suốt thời gian từ khi phát hành chứng quyền đến khi đáo hạn chứng quyền không được quá chênh lệch với khoản phí chứng quyền hợp lý. Chi phí phòng ngừa rủi ro bao gồm:

- Chi phí mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro: Chi phí này là khoản lỗ tiềm năng khi tổ chức phát hành thực hiện việc mua/bán chứng khoán cơ sở hàng ngày để phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành. Khoản chi phí này luôn phát sinh bất kể việc chứng quyền có được nhà đầu tư thực hiện hay không;
- Chi phí sử dụng vốn khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí giao dịch khi mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký;
- Chi phí đăng ký lưu ký, Chi phí niêm yết, Chi phí Quản lý niêm yết;
- Chi phí phát hành chứng quyền;

Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở.

2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro

- Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện trên tài khoản tự doanh của SSI và tuân thủ theo phương pháp trung hòa Delta (Delta Neutral) – là phương pháp mà các vị thế của chứng khoán cơ sở và vị thế của chứng quyền tự động bù trừ rủi ro cho nhau. SSI sẽ thực hiện việc mua, bán, vay và các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật đối với chứng khoán cơ sở và chứng quyền. Trong đó, SSI sẽ tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền) theo hệ số Delta được quy định tại Điều 11 Thông tư 122/2025/TT-BTC. Các giao dịch và vị thế phòng ngừa rủi ro của TCPH phải báo cáo SGDCK hàng ngày để SGDCK có thể giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư của TCPH.
- Phương pháp xác định vị thế PNRR lý thuyết delta hedging, cụ thể như sau:

$$P = \text{Delta} \times OI / k$$

Trong đó:



- **P:** Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
 - **Delta:** Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở, được tính toán dựa trên công thức Black Scholes
 - **OI:** Vị thế mở, được xác định bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành cộng với số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành nhưng chưa được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản của nhà đầu tư trừ đi chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của SSI.
 - **k:** Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền và cổ phiếu
- Dựa trên vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (Số lượng P chứng khoán cơ sở ở công thức trên), SSI sẽ thực hiện mua vào hoặc bán ra chứng khoán cơ sở để đảm bảo chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế không quá 20% trong vòng 03 ngày làm việc liên tục. Nói cách khác, TCPH sẽ thực hiện mua hoặc bán chứng khoán cơ sở nhằm đảm bảo số lượng chứng khoán cơ sở ở vị thế PNRR thực tế ngang bằng với vị thế PNRR lý thuyết.
- Ví dụ, khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi sẽ khiến Hệ số Delta thay đổi, khiến TCPH phải thực hiện mua/bán chứng khoán cơ sở để đảm bảo an toàn theo phương án trung hòa Delta. Việc duy trì vị thế trung hòa Delta giúp TCPH đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với Nhà đầu tư là người sở hữu chứng quyền khi có yêu cầu thực hiện quyền.
 - Trường hợp khi xảy ra các biến động mạnh của chứng khoán cơ sở (chứng khoán cơ sở tăng trần, giảm sàn, không có dư mua hoặc dư bán), TCPH có thể tiến hành mua vào hoặc bán ra chứng quyền trên sàn đối với NĐT để đảm bảo duy trì vị thế trung hòa Delta, nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.
- Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro của SSI.. Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta pT \% = (pT - PT)/PT \times 100 \%$$

Trong đó:

- $\Delta pT \%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T.
- pT : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.



- **PT:** Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.
- Bên cạnh việc mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, Công ty chứng khoán đồng thời sẽ thực hiện việc mua lại chứng quyền để giảm nghĩa vụ nợ với Nhà đầu tư và tương ứng làm giảm nghĩa vụ mua chứng khoán cơ sở để đạt trung hòa Delta.

2.2.1 Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện qua nhiều bước với sự tham gia của nhiều bộ phận khác nhau từ việc lựa chọn cổ phiếu để phát hành chứng quyền cho tới việc thực hiện giao dịch phòng ngừa rủi ro cũng như giám sát từ các bộ phận độc lập.

Trách nhiệm của các đơn vị cụ thể như sau:

(i) Bộ Phận Tự Doanh

Bộ phận Tự Doanh đóng góp vào việc quản trị rủi ro phát sinh từ phát hành chứng quyền cụ thể như sau:

- Đánh giá về tính ổn định và độ biến động của giá cổ phiếu cơ sở.
- Đánh giá về vốn hóa, tính thanh khoản của cổ phiếu cơ sở.
- Đánh giá tình hình tài chính, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp để làm đề xuất lên Hội Đồng Đầu Tư phê duyệt.
- Tính toán mức giá phát hành chứng quyền phù hợp.
- Ngoài ra xác định các thông tin như sau:
 - o Khối lượng quyền dự kiến phát hành;
 - o Giá quyền;
 - o Giá thực hiện quyền;
 - o Tỷ lệ chuyển đổi.
- Hàng ngày thực hiện giao dịch mua/bán tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging

(ii) Hội Đồng Đầu Tư

- Đánh giá về rủi ro cũng như lợi ích có thể đem lại từ việc phát hành chứng quyền.
- Phê duyệt cho phép phát hành chứng quyền với các thông tin cụ thể như bên dưới hoặc không cho phép.
- Giá phát hành.
- Giá thực hiện.
- Khối lượng phát hành tối đa.

**(iii) Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro**

Hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền được thực hiện trực tiếp bởi bộ phận QTRR. Hiện bộ phận QTRR có 03 nhân sự trong đó có 01 nhân sự phụ trách QTRR thị trường sẽ thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro hàng ngày dưới sự giám sát của Giám đốc QTRR cũng như kiểm tra định kỳ từ Bộ phận Kiểm soát tuân thủ. Ngoài ra bộ phận QTRR còn xây dựng quy trình QTRR cho hoạt động phát hành chứng quyền.

Thông tin về Giám Đốc QTRR và nhân sự thực hiện phòng ngừa rủi ro như sau:

Họ Tên: Đặng Mạnh Cường

- Trình Độ Chuyên Môn: Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin, Thạc sĩ Tài Chính và Thương Mại quốc tế, Chứng chỉ QTRR quốc tế FRM, Chứng chỉ hành nghề Phân Tích Tài Chính.
- Kinh Nghiệm: hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng Khoán trong đó có hơn 14 năm kinh nghiệm với vị trí Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro.

(iv) Bộ Phận Kiểm Soát Tuân Thủ

Định kỳ kiểm tra tính tuân thủ của với các quy định pháp luật cũng như quy định nội bộ của các bộ phận tham gia trong quá trình phát hành chứng quyền cũng như thực hiện giao dịch phòng ngừa rủi ro.

2.2.2 Nguyên tắc thực hiện tổng quát

SSI áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, SSI sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của SSI không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của UBCK khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Với biến động giá chứng khoán xảy ra hàng ngày của chứng khoán cơ sở, giá trị Delta được tính theo Công thức Black Scholes sẽ biến động tương ứng. Công ty chứng khoán sẽ thực hiện mua hoặc bán chứng khoán cơ sở tương ứng với phần thay đổi của Delta để đảm bảo tổng vị thế của tổ chức phát hành vào cuối ngày ở trạng thái không thấp hơn mức cho phép của UBCK.

2.2.3 Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

2.2.4 Vị thế phòng ngừa rủi ro

- Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở, được tính toán dựa trên công thức Black Scholes theo Phụ lục số VI Thông tư 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



- Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết, công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở nếu tổ chức phát hành sử dụng các loại chứng khoán phòng ngừa rủi ro khác không phải là chứng khoán cơ sở: Không sử dụng.

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành

Bộ phận Tự doanh SSI phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho CW hằng ngày, và kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị rủi ro cho các chứng quyền phát hành. Nhân sự được đào tạo bài bản về các nội dung và nghiệp vụ liên quan.

Với ưu thế vượt trội về tập khách hàng cá nhân, tiềm lực tài chính vững mạnh, các chỉ tiêu an toàn vốn của SSI luôn ở mức cao, đảm bảo khả năng thanh toán chứng quyền đối với NĐT, đáp ứng nhu cầu Mua hoặc Bán lại chứng quyền của NĐT với số lượng lớn, hệ thống tự động làm nghiệp vụ tạo lập thị trường để đảm bảo thanh khoản chứng quyền, đội ngũ môi giới chất lượng, hệ thống công nghệ hiện đại. Theo thống kê, các mã chứng quyền có bảo đảm được phát hành bởi SSI luôn nằm trong nhóm có thanh khoản rất cao, cho thấy sự ưa thích của các NĐT đối với các chứng quyền của SSI

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

Ngân hàng lưu ký: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100111948-001 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/08/2009;

Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số 77/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/09/2010. Thông báo về ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán số: 8448/UBCK-QLKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/12/2022.

Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán: 127/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp lần đầu ngày 28/12/2010 và các lần sửa đổi. Thông báo về ủy quyền chi nhánh hoạt động lưu ký số: 625/VSD-LK.NV của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 30/01/2023.

Trụ sở chính: Số 6 Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 39349590

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Các nguyên tắc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra:

- Công khai, minh bạch;
- Ưu tiên lợi ích khách hàng trước lợi ích của SSI;
- Tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật có liên quan đến đợt phát hành.

**2. Các bên liên quan đến đợt phát hành:**

Trong đợt phát hành này, SSI không sử dụng các đơn vị tư vấn bên ngoài như kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn cho SSI.

- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và Ngân hàng Lưu ký không phải là người có liên quan của SSI và SSIAM dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- SSI và SSIAM, các chi nhánh là tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam được cấp phép hoạt động các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng. Trong hoạt động kinh doanh hàng ngày, chúng tôi và các nhân viên có thể tham gia vào các hoạt động đầu tư, tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính, quản lý quỹ,... cho chính mình hoặc cho khách hàng của mình liên quan đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan.
- SSI và SSIAM, các chi nhánh và các nhân viên của mình có thể được tiếp cận các thông tin quan trọng, phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các chứng khoán cơ sở theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và chuẩn mực đạo đức cao nhất nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích và cố gắng tối đa để công bố các xung đột tiềm ẩn đến Nhà đầu tư.

XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

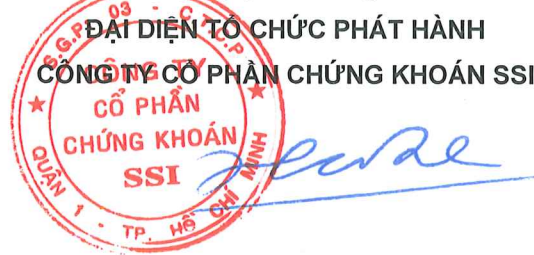
XII. PHỤ LỤC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động của SSI;
2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền;
3. Hợp đồng ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán;
4. Điều lệ của SSI;
5. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán của SSI.



XIII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2026



NGUYỄN DUY HƯNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Tên ngân hàng lưu ký: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100111948-001 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/08/2009;

Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số 77/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/09/2010. Thông báo về ủy quyền cho chi nhánh thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán số: 8448/UBCK-QLKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/12/2022.

Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán: 127/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 28/12/2010. Thông báo về ủy quyền chi nhánh hoạt động lưu ký số: 625/VSD-LK.NV của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 30/01/2023.

Với tư cách là Ngân hàng lưu ký, Chúng tôi xác nhận thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để đảm bảo thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành theo đúng các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng lưu ký thể hiện trong Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Anh Dũng

